

Khảo luận về nền học chính tại Nam Kỳ

(Etude sur l'instruction publique en Cochinchine)

Tác giả : E.Roucoules, Professeur-conseil

Người dịch: Lại Như Bằng

[Lời người dịch (nd): Emile Roucoules từng là Giáo sư Cố vấn (Professeur-conseil), hiệu trưởng trường Trung học Chasseloup-Laubat ở Sài Gòn (1887, ...), phó chủ tịch Hội nghiên cứu Đông Dương (Société des Etudes Indo-Chinoises de Saigon) và của Ủy ban địa phương Hội Pháp-văn Liên-hiệp (Alliance Française). Bài này được Roucoules đọc tại buổi họp ngày 23/10/1889 của Hội nghiên cứu Đông Dương , và được trích từ : Bulletin de la Société des Etudes Indo-Chinoise de Saigon .- Année 1889 - 2e semestre / Séance du 23 octobre 1889 / Société des Etudes Indo-Chinoises de Saigon.

Cám ơn chị Nguyễn Thị Chân Quỳnh và chị Bùi Thụy Đào Nguyên đã góp những ý kiến quý báu]

*

Tổ chức nền học chính Nam kỳ trước thời chinh phục chính là tổ chức hiện nay tại phần nước An Nam do chúng ta bảo hộ¹. Các ông Luro và Vial đã nghiên cứu vấn đề này qua nhiều tác phẩm được phổ biến rộng rãi. Trong tài liệu giản lược này, chúng ta chỉ lược qua mấy nét chính.

Thời đó, mỗi làng có một trường tư (*école libre*) có thể mở ra không cần xin phép và do một nhiều-học² điều hành. Tại trường, học sinh học lễ giáo và văn học Trung quốc, các phép tính sơ đẳng và các loại chữ viết, gọi là chữ-nho và chữ-nôm, chữ-nho là chữ Trung quốc thực thụ, và chữ-nôm là chữ Trung quốc được dùng để phiên âm tiếng An Nam phổ thông (*annamite vulgaire*). Tại mỗi huyện³ hay mỗi phủ có một trường trung học, chương trình học cũng giống như chương trình cấp một, nhưng nói rộng hơn.

Trường được giao cho công chức, hay giáo viên tư chịu sự kiểm tra của đại diện chính quyền. Đốc học điều hành trường phải có bằng tiến sĩ hay ít ra cũng tú tài.⁴

Các viên chức theo dõi kiểm tra họ là quan lại thuộc ngành học chính, thanh tra tỉnh, do nhà vua bổ nhiệm.

¹ (nd): Nam kỳ là thuộc địa của Pháp. Trung kỳ và Bắc kỳ trực thuộc Pháp theo chế độ bảo hộ.

² (nd): Các chữ "*nhiều học, tấn sĩ, tú tài, chữ -nho, chữ-nôm, phủ, huyện, quốc ngữ*" được viết trong bài bằng tiếng Việt.

³ (nd): Bên cạnh chữ *arrondissement*, Roucoules ghi chữ quốc ngữ "*(huyện)*", và bên cạnh chữ *département*, ghi là "*(phủ)*", tuy nhiên những chữ *arrondissement* trong bài sẽ xin dịch là "*địa hạt*" để phân biệt với các "*huyện*" thời trước.

⁴ (nd): Dưới triều Nguyễn, quan huyện phải có bằng cử nhân, hay tú tài nếu là người xuất sắc; quan phủ phải có bằng tiến sĩ, hay cử nhân xuất sắc.

Thường thường ba tháng một lần, tất cả các trường học lại tổ chức luận văn (*composition*) theo lệnh quan tổng đốc.

Sáu tháng một lần tổ chức sát hạch thi cử do viên chức được chỉ định tại mỗi tỉnh chủ tọa. Mục đích sát hạch là để giữ vững trình độ học vấn và lòng tôn kính văn học; cũng như để lựa chọn sĩ tử trong tỉnh gửi đi dự các kỳ thi tú tài hay cử nhân, tổ chức mỗi ba năm.

Đề mục thi là một bài diễn giải kinh nghĩa (*maxime*) và một bài luận văn (*composition littéraire*).

Học sinh trúng tuyển có thể được thu nhận vào các trường đại tập tại kinh đô, được cấp dưỡng, theo học, nhắm mục đích tối hậu dành được bằng cấp tiến sĩ. Chắc cũng cần phải nhắc lại rằng những kẻ thi đỗ khi trở về quê quán sẽ được rất trọng vọng. Sau cùng, đỉnh cao của hệ thống này là Quốc tử giám (*Académie nationale*), đặt dưới quyền quan Thượng thư Bộ Lễ, với chức năng ghi chép biên niên sử (*Annales*), điều hành ngành học chính.

Ở lớp cao, chương trình học chỉ quy vào văn học và lễ giáo Trung Quốc. Phép tính toán và khoa học bị loại bỏ. Quan lại nếu cần sẽ học các môn này ngoài vòng thi cử.

Việc học của hoàng tộc được tổ chức theo một hệ thống riêng.

Ngay khi đặt chân lên đất An Nam, để tiện việc truyền đạo, các giáo sĩ đã dùng chữ viết La-tinh ghi lại âm điệu tiếng nói bản xứ. Họ tạo ra chữ quốc ngữ và dựng trường học gần nhà cha xứ (*presbytère*) của họ.

Do đó ngày 17 tháng 2 năm 1859, khi đô đốc Rigault de Genouilly chiếm Sài Gòn, ông đã gặp sẵn tại chỗ một trường chủng viện và một trường học lấy tên trường Bá Đa Lộc (*école d'Adran*) do các giáo sĩ Hội truyền giáo nước ngoài (*Missions étrangères*) thành lập, Bá Đa Lộc là tên của vị giám mục tạo dựng ra trường .

Tại đây, dân bản xứ theo đạo Ca-tô học đọc và viết tiếng nói An Nam bằng chữ mẫu La-tinh; họ được học tiếng La-tinh đủ dùng để có thể giúp các giáo sĩ trong giáo sự, và ngay cả trở thành giáo sĩ bản xứ để truyền đạo Ki-tô. Người học đạo được học đôi ba chữ tiếng Pháp là chuyện hiếm.

Các đô đốc, tư lệnh tối cao quân đội viễn chinh, phải nhờ Hội truyền giáo để có những thông ngôn đầu tiên cho quân đội chiếm đóng. Trong giai đoạn chiến tranh chinh phục, các vị tư lệnh không thể nghĩ đến việc tổ chức giáo dục, và chỉ cấp một số học bổng, trích từ quỹ quân đội, cho hai trường để đào tạo những phụ tá cần thiết, những người, hầu hết, chỉ nói được một thứ tiếng La-tinh bập bẹ.

Năm 1861, đô đốc Bonnard tặng số học bổng cho trường Bá Đa Lộc .

Thí sinh vào ngạch thông ngôn phải qua một kỳ sát hạch do nghị định ngày 1 tháng 12 năm 1861 ấn định .

Vì nhân số thông ngôn bản xứ không đáp ứng nhu cầu, một trường dạy tiếng An Nam cho thông ngôn Pháp được thành lập tại Sài Gòn, những người này sau đó trở thành các giáo sư đầu tiên của trường. Nghị định ngày 8 tháng 5 năm 1862 của đô

đốc Bonnard, ấn định quy chế của trường, theo đó trường sẽ phải đào tạo các thông ngôn gốc Âu xuất thân từ quân đội hay hải quân.

Sau chín tháng đào tạo, các học viên thông ngôn phải qua một kỳ thi tuyển, nếu đỗ sẽ được bổ nhiệm làm thông ngôn phụ (*aide-interprète*), còn không sẽ được trả về quân ngũ.

Trường học này tổ chức chủ yếu vì lý do hành chính, không có mục tiêu giáo dục.

Đào tạo chỉ nhắm vài người theo đạo Ca-tô, các trường học xưa đã bị đóng cửa từ hơn ba năm, dân bản xứ không còn phương tiện nào để trau dồi đời sống văn hóa, tinh thần cũng như đạo đức.

Đô đốc Bonnard, sau một năm tại chỗ, đã sáng suốt nhận định được những lợi ích có thể tạm thời rút ra từ hệ thống hành chính bản xứ cũ, cho khôi phục hệ thống này dưới quyền điều khiển của các sĩ quan quân đội chiếm đóng với chức vụ chánh tham biện (*inspecteur des affaires indigènes*)⁵, và bao gồm việc tổ chức học chính (*enseignement publique*).

⁵ (nd) : a) trích dịch: *Annuaire de la Cochinchine Française*, năm **1871**, page 126

" Theo thông lệ, tại Nam Kỳ, các tỉnh vẫn được phân như thời còn chính quyền An Nam, nhưng tên tỉnh không còn bất kỳ một ý nghĩa hành chính đặc biệt nào . Tất cả mọi quyết định hành chính đều xuất phát từ Sài Gòn. (...)

Việc cai trị bản xứ được giao cho các chánh tham biện (*inspecteur des affaires indigènes*) và khu vực cai trị của chánh tham biện được gọi là "sở tham biện" (*inspection*)".

"L'usage a conservé à la Cochinchine française la division des provinces comme sous le régime annamite, mais cette désignation n'implique plus aucune administration spéciale ou particulière à chaque province. L'administration émane tout entière de Saigon. (...)

L'administration indigène est confiée à des inspecteurs des affaires indigènes. On donne le nom d'**inspection** à l'étendue du terrain qu'ils administrent. "

(hết trích)_____

Thí dụ : Tỉnh Sài Gòn (province de Saigon) bao gồm 7 sở tham biện (7 Inspections) : 1. Sài Gòn - 2. Chợ lớn - 3. Cần Giuộc - 4. Gò Công - 5. Tân An - 6. Tây Ninh - 7. Trảng Bàng

b) trích dịch: *Annuaire de la Cochinchine Française*, năm **1874** : page 139

"Việc cai trị bản xứ được giao cho các chánh tham biện và khu vực cai trị của chánh tham biện được gọi là "địa hạt" (*arrondissement*). "

"L'administration indigène est confiée à des inspecteurs des affaires indigènes. On donne le nom d'**arrondissement** à l'étendue du terrain qu'ils administrent. "

(hết trích)_____

. Như vậy, sau năm 1871, người ta dùng từ **arrondissement** thay thế **Inspection**.

. Một **Arrondissement** bao gồm nhiều **tổng** (**canton**). Arrondissement Sài Gòn chia làm 17 tổng và 231 làng. Một địa hạt thời thuộc địa (*arrondissement*) có thể bao gồm nhiều huyện thời trước (tt). Hạt Sài Gòn (hay địa hạt Sài Gòn) gồm huyện Bình Dương (tt), huyện Bình Long (tt), huyện Ngay An (tt).

. Cho đến năm 1875, Nam Kỳ chia ra làm 6 tỉnh (province) như thời trước: Sài Gòn, Mỹ Tho, Biên Hòa, Vĩnh Long, Châu Đốc, Hà Tiên. Nhưng một tỉnh chỉ có tên gọi, không có thực chất hành chính.

. Kể từ 5 Janvier 1876, Nam Kỳ được phân lại thành 4 phân khu hành chính (*circonscription*): Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bassac. Khác với tỉnh, trước đây, một phân khu có thực chất hành chính. (*Annuaire de la Cochinchine Française*, 1879 Page 183)

. Nghị định ngày 20 tháng 12 1899 đổi các "arrondissement" (địa hạt) tại Nam Kỳ thành "province" (tỉnh).

Nghị định ngày 31 tháng 3 năm 1863 tái lập lại cách phân phối trường học cũ và các chức đốc học, giáo thọ, huấn đạo, phân định cấp bậc: học sanh, tú tài, cử nhơn⁶, thiết lập lại các khóa thi ba năm, khóa đầu tiên sẽ được tổ chức vào năm 1864, và bổ nhiệm, bên cạnh viên chức học chính bản xứ, các thông ngôn để dạy chữ quốc ngữ (chữ viết La-tinh áp dụng vào tiếng An Nam).

Thông thạo loại chữ viết này không bắt buộc, tuy nhiên trong các kỳ thi, ưu tiên vẫn được dành cho các thí sinh biết thứ chữ đó. Chi phí cho hệ thống tổ chức này được tài trợ, phần do lợi tức của tỉnh, phần do lợi tức hàng tổng.

Cách tổ chức này chỉ có thể dành cho những người bản xứ muốn tham dự các kỳ thi; nó không giúp bao nhiêu cho việc phổ biến thứ chữ viết bằng chữ mẫu Âu tây.

Ngày 18 tháng 7 năm 1864, đô đốc Lagrandière mở ra, tại các trung tâm tỉnh lỵ chính, các trường tiểu học dùng chữ mẫu Âu tây, và giao cho các thông ngôn, các thư ký đảm nhiệm dạy học, hai giờ mỗi ngày. Những người này được lãnh lương phụ trội thêm một franc mỗi ngày dạy học, và cứ mỗi học sinh biết đọc và biết viết thì được thưởng thêm 1 franc, 0,50 franc nếu chỉ biết đọc.

Tiền học miễn phí; sách vở dụng cụ thông thường do nhà nước cấp; trường học được đặt dưới sự kiểm soát của các thanh tra, và phí tổn quản trị hoàn toàn do ngân sách địa phương tài trợ (chương 1 điều 3).

Kết quả không phải chờ lâu, và sau Hội chợ Triền lãm năm 1866 tại Sài Gòn, nghị định ngày 21 tháng 3 trao tặng ba mươi hai bằng khen thưởng danh dự cho những học sinh có công trình được trưng bày, cùng với tiền thưởng từ 5 đến 15 francs.

Cách viết chữ theo Âu tây bắt đầu được biết tới phần nào, nhưng tiếng Pháp không vì thế mà được phổ biến. Đô đốc Lagrandière quyết định thành lập một trường Pháp tại Sài Gòn, giao cho các tu sĩ theo đạo Ki-tô điều hành, và với sự đồng thuận của Hội truyền giáo, được tổ chức ngay trong trường Bá-đa-lộc. Nghị định ngày 1 tháng 2 năm 1866 chỉ định Ông Jaime, cha bề trên, làm hiệu trưởng trường Pháp, và năm tu sĩ làm phụ tá.

Lương bổng được quy định trong ngân sách địa phương; số học bổng gia tăng; thể thức xin học bổng được quy định qua nghị định ngày 31 tháng 7 năm 1866.

Kể từ nay, việc dạy tiếng Pháp cho dân bản xứ bắt đầu bắt rễ tại thuộc địa; nhưng hoàn toàn nằm trong tay các nhà truyền giáo và tu sĩ đạo Ki-tô. Những vị này mau chóng mở thêm các trường khác tại các trung tâm tỉnh lỵ quan trọng nhất, Mỹ Tho, Chợ Lớn và Vĩnh Long. Học bổng thuộc địa được cấp cho mỗi trường; tiền tài trợ sách vở dụng cụ thông thường, tính mỗi đầu học sinh, được cấp 0,5 rồi 1 franc. (Các nghị định ngày 31 tháng 9 năm 1867, 6 tháng 11 năm 1868, 23 tháng 8 năm 1870, 28 tháng 4 năm 1871).

Trong năm năm, trường học do tu sĩ điều hành và được chính quyền thuộc địa tài trợ phát triển mạnh. Vào khoản thời gian đó, hội đồng tư vấn được thành lập để giúp ý kiến về các vấn đề giáo dục. Qua nghị quyết ngày 9 tháng 5 năm 1868 của

⁶ (nd): Các chữ "đốc học, giáo thọ, huấn đạo, học sanh, tú tài, cử nhơn, tân sĩ, quốc-ngữ" được viết trong bài bằng tiếng Việt. "Chữ quốc ngữ" còn được tác giả gọi là "chữ viết theo chữ mẫu Âu tây", "chữ viết La-tinh áp dụng vào tiếng An Nam"

hội đồng, trường chủng viện Sài Gòn sẽ dạy tiếng Pháp tại các lớp cao đẳng, do đó sẽ nhận mỗi năm một khoản tài trợ là 10 000 francs và việc điều hành quản trị và giáo dục của trường sẽ chịu sự kiểm tra của một ủy ban quản trị.

Qua nghị định ngày 13 tháng 5, bổ túc ngày 3 tháng 6, đô đốc Ohier cho thi hành nghị quyết trên và chỉ định một ủy ban gồm năm người trong đó chỉ có hai người của chính quyền không phải là tu sĩ. Ủy ban có trách nhiệm thanh tra chủng viện ít nhất ba tháng một lần, và phúc trình kết quả lên quan toàn quyền.

Kể từ ngày 28 tháng sáu, trường Bá đa lộc (*collège d'Adran*) được phép thu nhận học sinh trước đó đã bắt đầu theo học tại trường các tu sĩ dòng Seyne (*frères de la Seyne*). Những học sinh này, được đào tạo để trong tương lai điều hành các trường học dưới quyền các bề trên của họ, lãnh mỗi ngày 1 franc tài trợ tiền chi phí ăn mặc. Trường La Sainte-Enfance, là trường duy nhất, từ ngày chiếm đóng, được giao phó dạy dỗ nữ sinh và đã được cấp nhiều học bổng, nay được tăng thêm một trăm học bổng. Hệ thống giáo dục bản xứ đã thành hình.

Cùng lúc đó, dân số người Âu tăng rất nhiều, các gia đình mỗi ngày một thêm đông. Hội đồng tỉnh, vừa được tổ chức lại năm 1867, trong một thỉnh cầu, xin mở một trường riêng phi tôn giáo (*laïque*) cho con em những người Âu. Đô đốc Lagrandière, ngày 10 tháng 2 năm 1868, ký một nghị định thành lập một trường học tỉnh (*école municipale*)⁷ gồm học sinh ngoại trú, đặt dưới sự kiểm tra của Chánh nội vụ (Directeur de l'intérieur), và sự kiểm tra trực tiếp của chánh công an tỉnh (*commissaire municipal*). Đây là bước đầu của nền học chính phi tôn giáo (*enseignement laïque*).

Trường học có ba phân ban:

1-Trường tiểu học Âu châu (*école primaire européenne*) với một lớp sơ đẳng (*cours élémentaire*) miễn phí và một lớp cao đẳng (*cours supérieur*) có học phí. Chương trình học là chương trình các trường tiểu học tại Pháp, cộng thêm những khái niệm về lịch sử cổ đại và hiện đại, về khoa học tự nhiên (*sciences naturelles*). Cha mẹ học sinh các lớp cao đẳng có thể trả thêm tiền để cho con em học thêm ngoại ngữ, tiếng La-tinh, Hy-lạp, v.v...;

2-Trường thông ngôn Âu châu, trước đây mang tên trường trung học An Nam (*collège annamite*): Trường này tiếp tục điều hành như trước, nhưng được đặt dưới sự kiểm tra của hiệu trưởng trường học tỉnh (*directeur de l'institution municipale*), vị này có trách nhiệm dạy tiếng Pháp cho học viên thông ngôn. Các học viên được thân nhận không phân biệt quốc tịch;

3-Một trường cho những người thành niên (*adulte*) bản xứ. Mọi người sống tại địa phương (*résident*)⁸ cũng như mọi người bản xứ có thể theo học. Trường cấp mười hai học bổng cho học viên ngoại trú. Chi phí trường được tài trợ, phần do ngân sách địa phương, phần do ngân sách tỉnh. Chính quyền cũng không quên quyền lợi

⁷ (nd): được gọi là " Institution municipale de Saigon "

⁸ (nd) : Năm 1879, tại địa hạt Sài Gòn, thành phần sống tại địa phương ("résident") gồm có: Âu Châu (sống ngoài thành phố : 48, Trung quốc : 10 000, Tagals: 30, Mã Lai : 202, Malabares (Ấn) : 450, bản xứ : 232700, tổng cộng : 243 430 (*Annuaire de la Cochinchine Française*, năm 1879 : page 186)

quần chúng, cố gắng tối đa tìm cách thay chữ nho bằng chữ viết Âu. Đây là một tiến bộ thực sự, vào thời đó.

Hệ thống giáo dục khởi đầu năm 1864 mỗi ngày mỗi phát triển. Sắc lệnh ngày 22 tháng 3 năm 1867 giao cho ông Luro, chánh tham biện (inspecteur des affaires indigènes), thanh tra các trường tiểu học, đang nhanh chóng gia tăng số lượng, và mười lăm ngày sau (7 tháng 5), một sắc lệnh mới quy định một kỳ thi cho những người An Nam muốn vào ngạch giáo dục. Học viên có lương bổng, chia làm hai hạng, và sau một khoá thực tập được lĩnh chứng chỉ dạy học; áp dụng biện pháp chuyên tiếp, những người đương tại chức phải dự thi trong thời hạn hai tháng.

Chương trình rất đơn giản, cho học viên hạng nhì (*2e classe*) chỉ gồm có biết đọc và viết chữ quốc ngữ, bốn phép tính và vài khái niệm đo lường. Cho hạng nhất (*1e classe*) phải làm thêm một bài dịch..

Các trường cho người thành niên, với chương trình học gồm học viết với chữ mẫu Âu tây, học những khái niệm cơ bản của tiếng Pháp, lần lượt được mở ra tại Cần Thơ, Sóc Trăng, Gò Công, Tân An, Rạch Giá, Cần Giuộc, Ích Thạnh (đô đốc Ohier 17 tháng 2 năm 1869), học sinh trường tiểu học có thể tham dự. Các trung tâm Long Hưng, Mỹ Thuận, Cù lao Mây, Bò Hút, v.v...⁹ cũng mở trường tương tự trong tháng 11 cùng năm.

Có trường dĩ nhiên cần phải có phương tiện điều hành. Ngày 5 tháng 6 năm 1868, một ủy ban do Đức Ông Miche chủ toạ, trong đó có Ông Philastre đại diện chính quyền và là người duy nhất không phải tu sĩ, được thành lập với chức năng soạn thảo một quyền văn phạm và một quyền từ điển giúp học sinh học tiếng Pháp. Việc soạn thảo đã khởi công, và ngày 25 tháng 9 năm 1869 Ông Poteaux, thông ngôn hạng nhất, được giao phó độc quyền phổ biến sách cho các trường bản xứ.

Trước đó một tháng, để khuyến khích tinh thần thi đua giữa các trường học, chính quyền quyết định tổ chức ba tháng một lần, trong mỗi sở tham biện (*inspection*), một kỳ thi giữa học sinh trường tiểu học và học sinh các trường đạo. Các giải thưởng bằng tiền bạc được trao cho những học sinh giỏi nhất. Phần thưởng được tăng gấp đôi nếu người lãnh thưởng có thể dịch một bài tiếng An Nam sang tiếng Pháp và ngược lại.

⁹ (nd): Trong bài, tác giả viết tên các tỉnh không bỏ dấu : cantho, soctrang, gocong, tanan, Rachgia, Cangioc, Ich-Thanh, Long-nhung, My-thuan, Cu-lao-mai, bo-hut,

-**Bò Hút**, trong Aubaret còn viết là Bao Hot, dân gian gọi là Bàu Ót hay Bò Ót (tên gốc Khmer, chỉ 1 một loại mắm), nay thuộc quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ (Tự vị tiếng nói miền Nam, Vương Hồng Sển, NXB Trẻ, TPHCM, 1999, tr. 75).

-**Long-nhung**, là **Long Hưng** (thuộc Bến Tre, Tự vị tiếng nói miền Nam, tr. 133).

-**My-Thuan** là **Mỹ Thuận** (làng Mỹ Thuận (Cái Vồn), tổng An Trường, sau thuộc Cần Thơ. Trước 1897, nơi đây đã có trường học, sách trên, tr. 166).

-**Cù lao Mai** là **Cù lao Mây** trên sông Hậu, ở khoảng giữa kể từ Cần Thơ xuống Kế Sách (sách trên, tr. 247).

-**Ích Thạnh** : quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định xưa.

-**Bắc Trang**, xưa là một quận của Trà Vinh. Trước 1897, nơi đây đã có trường học (Tự vị tiếng nói miền Nam. tr. 69 và 221).

Đó là tình trạng nền học chính tại Nam Kỳ cho tới cuối năm 1870. Năm 1871, Sau khi chính phủ cộng hòa được thành lập, và hòa bình trở lại [tại Pháp]¹⁰, guồng máy hành chính và học chính tại Nam kỳ có xu hướng tự do chủ nghĩa hơn (*libéral*). Chính quyền địa phương không muốn lệ thuộc vào hệ thống giáo dục của giáo hội nữa, muốn tự mình tuyển chọn và đào tạo giáo viên. Hệ thống học chính phi tôn giáo bắt đầu triển khai.

Ngày 10 tháng 7 năm 1871, đô đốc Dupré lấy ba quyết định quan trọng. Ông thành lập một trường sư phạm thuộc địa bản xứ (*école normale coloniale indigène*). Một trường tiểu học được cho tùy thuộc trường này¹¹. Hiệu trưởng và ba giáo sư phải có bằng cấp đại học, một bằng nghiệp vụ (*brevet de capacité*) hay chức vụ thông ngôn.

Ba người phụ giáo bản xứ là giáo viên tiểu học hạng nhất (*instituteur de 1^{ère} classe*). Hạn tuổi để thâm nhập vào trường là 16 tuổi tối thiểu, 25 tuổi tối đa. 60 học sinh của trường theo quy chế nội trú và hoàn toàn được chính quyền thuộc địa chu cấp nuôi dưỡng ăn mặc. Chùa Barbet¹² được giao cho trường làm cơ sở; mỗi thí sinh được nhận vào trường lãnh 25 franc làm chi phí nhập trường.

¹⁰ (nd): Vào năm 1870, Hoàng đế Napoléon III (cháu gọi Napoléon I bằng bác) trị vì nước Pháp. Ngày 19 tháng 7 năm 1870, chiến tranh Pháp-Đức bùng nổ. Ngày 2 tháng 9 năm 1870, Thành Sedan thất thủ. Napoléon III, đang ở trong, thành bị bắt cầm tù.

Tại Paris, ngày 4 tháng 9 năm 1870, **Quốc hội tuyên bố chấm dứt thể chế quân chủ, thành lập nền Cộng Hòa thứ III.**

Ngày 19 tháng 9 năm 1870, Paris bị vây hãm.

Ngày 19 tháng 1 năm 1871, tướng Trochu, thủ tướng chính phủ lâm thời cố gắng phá vòng vây nhưng thất bại. Trochu từ chức.

Ngày 28 tháng 1 năm 1871, Paris thất thủ.

Ngày 17 tháng 2 năm 1871, Thiers được bầu làm thủ tướng và ký hòa ước với Đức. Pháp mất vùng Alsace (ngoại trừ tỉnh Belfort), và một phần vùng Lorraine, và bồi thường cho Đức 5 tỷ Francs vàng.

¹¹ (nd) trích dịch: " *Nghị định ngày 25-2-1886 - Điều 3 : Một giáo viên, dưới quyền hiệu trưởng trường sư phạm, sẽ điều hành một trường tiểu học phụ thuộc gồm 50 học sinh ngoại trú. Trong trường này, các học viên sư phạm có thể thực tập dạy học. "*

"A.G. 25 février 1886 - Art 3 : *Un instituteur dirigera, sous l'autorité du directeur de l'école normale, l'école primaire annexe et formée de 50 élèves externes, dans laquelle des élèves-maîtres seront exercés à la pratique de l'enseignement.*" (*Répertoire Alphabétique de Législation et de Règlementation de la Cochinchine arrêté au Premier Janvier 1889 - Tome IV P. 519*)

¹² (nd) Chùa Barbet trước thời thuộc Pháp là Chùa Khải Tường.

Chùa Khải Tường được xây dựng vào thế kỷ 18, thuộc ấp Tân Lộc, huyện Bình Dương, thành Gia Định (khu chợ Đũi, quận 3 ngày nay.)

Năm 1859 quân Pháp tấn công Gia Định (Phó đô đốc Rigault de Genouilly chỉ huy), Pháp chia quân đóng rải rác tại Trường Thi, đền Hiến Trung (Pagode aux Mares) và các chùa: Khải Tường (Pagode Barbet), Kiểng Phước (Pagode des Clochetons), Cây Mai v.v...

Riêng chùa Khải Tường, viên quan ba Pháp tên Barbet nhận nhiệm vụ dẫn quân vào chiếm giữ chùa, đuổi sư sãi đi. Khi ấy, quan Kinh lược Nguyễn Tri Phương được triều đình cử vào Nam lập đại đồn Chí Hòa (người Pháp đọc là Kỳ Hòa) chống Pháp, và đêm 7 tháng 12 năm 1860, quân Việt phục kích giết chết Barbet.

Sau này, trên nền chùa, Pháp cho xây cất một dinh thự dành cho quan chức trong bộ máy cai trị. Trước năm 1963, dinh thự được dùng làm *Trường Đại học Y dược*, và sau 1975, trở thành *Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh*.

Cùng ngày, quan toàn quyền ký một nghị định thành lập một ủy ban với trách nhiệm soạn thảo chương trình học cho trường mới và soạn một quyển sách cho giáo viên. Một ủy ban kiểm tra cũng được thành lập, trong đó đại diện giáo hội chỉ gồm có một tu sĩ bề trên của các trường đạo.

Sau hết, cùng ngày hôm đó, các giáo viên được chia thành ba hạng; lương bổng cao hơn trước và cứ mỗi ngày dạy học giáo viên được thêm 1 franc. Ngược lại, trình độ thi tốt nghiệp được nâng lên khá cao, và chương trình thi nặng hơn (nghị định ngày 31 tháng 7 năm 1871). Hai bằng cấp bản xứ được quy định. Bằng sơ đẳng bắt buộc cho giáo viên hai hạng thấp, và bằng cao đẳng cho giáo viên hạng 1. Nhiều biện pháp, khích lệ và tài chính, được dành cho học viên của trường sư phạm mới mở (22 tháng 8 năm 1872) với sĩ số tăng thêm 20 người (1 tháng 10 năm 1872), và để tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản trị trường, một phần ngân sách được ứng trước cho hiệu trưởng trường (3 tháng 5 năm 1873).

Tổ chức dạy tiếng Pháp chưa được chú trọng đồng đều cho dân chúng mọi địa hạt (*arrondissement*). Các thanh tra là những người đầu tiên lên tiếng báo động tình trạng này và xin cải tổ toàn bộ hệ thống. Dù hết lòng hết sức cố gắng, các thư ký và thông ngôn được chỉ định điều hành trường, vì quá nhiều việc, không thể chăm sóc đầy đủ cho học sinh. Ngày 13 tháng 1 năm 1873, để thống nhất tất cả các cơ cấu hiện hành, đô đốc Dupré chỉ định một ủy ban đặc biệt với trách nhiệm soạn thảo một đề án tổ chức hệ thống giáo dục cho Nam kỳ, nhất là cho các trường các tỉnh miền trong, chương trình học, sách học và phương pháp dạy áp dụng chung cho mọi trường.

Ủy ban đã bỏ thì giờ nghiên cứu đề án khá lâu, và phải chờ mười tám tháng sau, ngày 17 tháng 11 năm 1874, đô đốc Dupré mới ký nghị định tổ chức lại toàn bộ hệ thống học chính. Nghị định công bố giáo dục công hoàn toàn miễn phí và tự do, được quy định bởi những điều lệ tổng quát hiện hành tại Pháp, được giao cho các giáo sư có đầy đủ điều kiện về chức vị, bằng cấp và bảo đảm khả năng theo điều luật năm 1850.

Nền học chính được đặt dưới quyền trực tiếp của Chánh nội vụ (*Directeur de l'intérieur*), và sự kiểm tra trường trại trong địa hạt thuộc trách nhiệm của viên chức cai trị hạt (*administrateur*).

Thêm vào đó, một ủy ban thường trực gồm đại diện chính quyền, đại diện trường công phi tôn giáo, và đại diện trường đạo, có nhiệm vụ theo dõi sự điều hành của hệ thống học chính, nghiên cứu cách cải thiện hay những sửa đổi cần thiết, và đề nghị lên cấp chính quyền cao hơn. Các trường học chữ nho tại các làng bị hủy bỏ, hay đúng hơn bị gom về các thị xã để biến thành các trường học chữ mẫu La-tinh. Tại sáu trung tâm thị xã lớn nhất Nam kỳ, Sài Gòn, Chợ Lớn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bến Tre và Sóc Trăng, mỗi nơi có một trường Pháp. Nhân viên các trường này gồm một hiệu trưởng người Pháp, nếu có thể có bằng cấp đại học, và biết nói tiếng An Nam, và các giáo viên biết nói tiếng Pháp.

Học sinh theo quy chế nội trú, phí tổn ăn mặc được chính quyền thuộc địa tài trợ 10 francs một người mỗi tháng. Trường có thể thu nhận, không giới hạn, các học sinh tự do ngoại trú. Một bản điều lệ giản lược được áp đặt cho các trường; nó quy định

một hệ thống kỷ luật, một bảng danh dự , v.v... Sau ba năm học, học sinh phải qua một kỳ thi ra trường. Những học sinh trung bình, được công nhận đủ khả năng lãnh một chức vụ thấp trong cơ quan hành chính, có thể được thu nhận vào làm việc , với lương bổng 360 francs một năm. Những học sinh xếp hạng cao tiếp tục theo học tại trường trung học bản xứ (*collège indigène*) được thành lập thay thế trường sư phạm bản xứ (*école normale indigène*). Trường này sẽ phải đón nhận 120 học sinh nội trú, có học bổng thuộc địa, mỗi người được lãnh 20 francs khi nhập trường, dành cho phí tồn ăn ở.

Nhân viên trường gồm một hiệu trưởng và nhiều giáo sư người Âu, và nhiều giáo viên bản xứ hạng nhất phụ tá. Chương trình học ba năm, mỗi cuối năm có một kỳ thi, ai không đủ sức thì bị đuổi. Chương trình dạy tiếng Pháp khá cao và nhằm luyện thi bằng cao đẳng tiểu học (*brevet supérieur*) là bằng bắt buộc phải có để làm việc trong hành chính hay ra dạy học.

Dù thành phần đại diện giáo hội khá đông trong ủy ban , nhưng các tu sĩ trong hội truyền giáo không thỏa mãn với giải pháp được đề ra, đưa đến tranh cãi gay gắt giữa họ và nhân viên chính quyền, và khiến thống sứ phải can thiệp.

Khoản chi phí dành cho giáo dục được ghi vào ngân sách 1875 là khoảng 200 000 francs (Số tiền này bao gồm hai học bổng cho trường Taberd, do giáo sĩ Kerlan của Hội truyền giáo điều hành. Học bổng này, lần đầu tiên được nói tới, dành cho con em công chức người Pháp).

Hai năm sau, trường trung học bản xứ rời sang cơ sở vừa được xây dựng và lấy tên là trường trung học Chasseloup-Laubat. Nghị định ngày 6 tháng 1 năm 1876 ấn định cho học sinh một số tiền nhập trường là 15 francs và mỗi tháng một số tiền tương tự để chi tiêu ăn mặc. Những biện pháp này đã nâng trình độ trường lên; khả năng nghề nghiệp nhân viên bản xứ cũng cần được nâng cao hơn và để khiến họ phải cố gắng đạt mục tiêu đó, một quy chế mới về xếp hạng, thăng cấp cần được quy định. Chức vụ giáo sư bản xứ được quy định (7 tháng 2 năm 1876), với những thể lệ thi cử mới. Những thể lệ thi cử này đòi hỏi một kiến thức khá toàn diện, một cố gắng học hỏi nặng hơn, nhưng để đền bù người bản xứ được hưởng những quyền lợi tương xứng.

Thanh tra các trường học được giao cho một ủy viên cấp cao nha học chính. Vị này được miễn mọi buu phí, thư từ và điện tín, cho các trao đổi liên quan đến nhiệm vụ này. Mỗi ba tháng, vị này phải nhận được các tài liệu phúc trình. Khởi đầu triển khai tổ chức tất cả mọi cơ cấu điều hành vật chất kỹ thuật liên quan đến trường học còn nằm trong tay các viên chức hành chính được giao lại cho thanh tra học chính.

Chẳng bao lâu, những biện pháp này không đáp ứng nổi nhu cầu tổ chức hành chính ngày mỗi nặng. Số học sinh của trường trung học gia tăng rất cao, các trường tiểu học do người Pháp điều hành cũng nhân lên theo tỷ lệ. Cần phải có những biện pháp mới. Vấn đề được đưa lên ủy ban cấp cao, và, sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng , ủy ban trình lên Thống sứ chuẩn đô đốc Laffont một bản sơ thảo để ký , trở thành nghị định tổ chức (*arrêté organique*) 17 tháng 3 năm 1879. Nghị định này bắt đầu được áp dụng vào năm 1880, và , trừ vài sửa đổi nhỏ, quy định cho đến ngày hôm nay tổ chức học chính .

Hệ thống học chính được chia làm ba cấp, gần tương đương với hệ thống các trường sơ đẳng tiểu học, và các trường cao đẳng tiểu học với chương trình nói rộng. Ở cấp thứ nhất, chỉ có chương trình sơ học tiếng Pháp, nghĩa là sau ba năm học trẻ em phải nghe và viết được vài câu đơn giản, trả lời những câu hỏi thông thường bằng tiếng Pháp, đọc được một trang sách sơ đẳng, và biết bốn phép tính.

Cấp thứ hai nói rộng chương trình chủ yếu về tiếng Pháp, và các bộ môn áp dụng của số học và hình học.

Cuối cùng, cấp thứ ba nói rộng hơn nữa chương trình học tiếng Pháp và thêm các khái niệm cơ bản của khoa học vật lý, khoa toán và khoa học tự nhiên; trong chương trình không có sử học, ngay cả sử xứ Nam kỳ.

Khuôn khổ tổ chức (*cadre*), cấp bậc (*hiérarchie*), phương thức thăng chức của nhân viên Âu và bản xứ được quy định. Tổ chức học chính được giao cho một giám đốc nha học chính đặt dưới quyền quản trị của Chánh nội vụ, và nếu cần lấy một biện pháp nào thì phải trình lên một ủy ban thường trực cấp cao. Từ đây, nền giáo dục công bắt đầu phát triển. Các trường Pháp mỗi ngày một đông học sinh, phạm vi hoạt động của nhân viên mở rộng theo đà phát triển. Trường Trung học Mỹ Tho được thành lập qua nghị định của Ông Le Myre de Vilers (1880). Các trường tổng (*écoles cantonales*) được mở ra để phổ biến nhanh chóng chữ viết An Nam bằng chữ mẫu Pháp. Việc thanh tra các trường này được giao cho một viên chánh thông ngôn người Âu.

Các trường của tu sĩ đạo ki-tô, dù còn được chính quyền thuộc địa trợ giúp qua các học bổng cấp phát rộng rãi cho học sinh, vẫn theo nhau đóng cửa tại Mỹ Tho và Vĩnh Long (1881). Năm 1883, các tu sĩ từ bỏ luôn cả trường Trung học Bá Đa Lộc. Giáo dục thuộc địa cho trẻ em phái nam hoàn toàn trở nên phi tôn giáo (*laïque*) và việc thanh tra tất cả các trường được giao cho một nhân viên nhà nước người Âu đã qua một kỳ thi tốt nghiệp. Ba trường trung học cấp hai được đặt dưới quyền trực tiếp của giám đốc nha học chính, ba trường đạo giữ quy chế độc lập : trường Taberd tại Sài Gòn, các chủng viện tại Cù lao Giêng và Sài Gòn.

Cũng cần phải nhắc đến các trường sơ đẳng do Hội truyền giáo mở trong các giáo xứ, gần nơi cư trú của giáo sĩ. Trong các trường này, trẻ em chỉ học đọc và đọc kinh. Không đầy một phần mười học được dăm ba chữ tiếng Pháp. Trợ cấp cho trẻ em phái nam các trường đạo hầu hết bị bãi bỏ. Chỉ có học bổng cho học sinh trường Taberd còn được cấp, và phải đợi hai năm sau, để trả công cho trường đạo nhỏ các tỉnh phía trong, về việc truyền bá chữ viết theo chữ mẫu La-tinh, một số tiền trợ cấp khoảng từ 5000 tới 6000 francs được tái lập lại cho Hội truyền giáo.

Nền giáo dục thuộc địa phát triển; số học sinh ghi tên học tăng rất cao. Nhiều trường phụ được thiết lập bên cạnh ba trường trung học lớn. Thí sinh ghi tên thi các bằng cấp bản xứ càng ngày càng đông. Sự tăng trưởng này được khuyến khích qua những biện pháp hạ thấp trình độ thi cử và giới hạn tuổi, xu hướng chú trọng lượng hơn là phẩm. Cũng phải công nhận là việc phát triển hệ thống đường làng xã, các công ty độc quyền (*régie*), chính sách thuế trực thu (*contributions directes*) và những yêu cầu dồn dập của cơ quan hành chính Bắc kỳ, khiến phải đào tạo nhiều và nhanh. Trong năm 1884 và 1885, nhiều trường mới được giao cho người Âu.

Năm 1885, Tây Ninh và Gò Công có được trường ngoại trú. Năm 1886, Sa Đéc mở trường. Năm 1887, ba thanh tra thay phiên nhau đi các trường và số giáo sư Âu được định là 80 người. Con số này bị giảm đi ngay sau đó. Vào kỳ nhập học 1888, Thủ Đầu Một, Bà Rịa, Cần Thơ mở trường tiểu học do giáo sư Pháp điều hành.

Mỗi trường có khoảng một trăm học sinh, tám phần mười theo học chăm chỉ. hai trường khác, Châu Đốc và Cái Bè, được mở tháng 1 năm 1889, và hai trường nữa nằm trong dự án xây cất của ngân sách cùng năm. Dù có nhiều mò mẫm và do dự, việc truyền bá chữ Pháp phát triển trong chiều hướng tốt. Kết quả có lẽ sẽ còn cao hơn rất nhiều nếu ngay từ đầu và trong thời gian vừa qua, kinh nghiệm hiểu biết về bản xứ được xem trọng trong công cuộc tổ chức hệ thống học chính. Đánh giá những biện pháp thời tạo dựng Đông Dương không phải là việc của chúng ta; chúng ta chỉ có thể liệt kê và nhận định các kết quả, đứng về mặt học chính.

Đầu tháng 1 năm 1888, nha học chính (*direction de l'enseignement*) bị bãi bỏ, quyền hạn của giám đốc được phân phối cho nhiều người, nhưng trong thực tế sự phân định không được rõ rệt chính xác.

Nghị định ngày 15 tháng 1 năm 1888 đặt các trường các tỉnh dưới quyền điều khiển trực tiếp của viên chức cai trị địa phương, và các trường trung học tại Sài Gòn dưới quyền Chánh thư ký (*Secrétaire général*) Nam kỳ. Ít lâu sau, một nghị định bổ nhiệm hiệu trưởng trường Chasseloup Laubat làm giáo sư-cố vấn (*professeur conseil*); sau cùng, một nghị định quy định tiền phụ cấp cho trưởng phòng 3 của cơ quan địa phương tổ chức việc học chính. Không có một tài liệu nào phối hợp tất cả các biện pháp kể trên, do đó nhiều điều luật chủ yếu của nghị định tổ chức ngày 17 tháng 5 năm 1879 xem như bị hủy bỏ.

Phòng 3 (3e bureau) điều hành hầu hết guồng máy tổ chức học chính, đề nghị thăng thưởng nhân viên và quyết định phân phối một phần những vật dụng thông thường; về mặt vật chất và hành chính như vậy tạm xem là hoàn tất.

Phần chuyên môn lẽ ra thuộc quyền hạn của giáo sư cố vấn (*professeur-conseil*). Nhưng những quyền hạn này chưa bao giờ được quy định rõ ràng, do đó viên chức này không thể lấy bất cứ một sáng kiến nào. Vị này không có quyền liên lạc trực tiếp với các giáo sư phái về các tỉnh, cũng như các viên chức cai trị hành chính. Quyền lực không đủ rõ rệt để được thông tin về những biện pháp được áp dụng tại các trường tỉnh, vị này không thể ra lệnh, và ngay cả cho ý kiến cố vấn về chuyên môn, cho các hiệu trưởng các trường. Ông ta chỉ có thể cho ý kiến khi chính quyền trung ương đưa ra câu hỏi. Ngoài ra, ông ta cũng còn trách nhiệm phân phối một phần các dụng cụ thông thường của nhà trường, đặc biệt là sách học. Chức vị thanh tra các trường đã bị bãi năm 1888, cùng lúc với chức vị giám đốc nha học chính.

Nghị định ngày 17 tháng 3 năm 1879 đã quy định một ủy ban cấp cao học chính. Thành phần ủy ban được quy định lại nhiều lần. Ủy ban do Chánh nội vụ (*Directeur de l'intérieur*) chủ tọa. Từ hơn hai năm nay ủy ban không được triệu tập.

Nhân số người Âu đã bị giảm nhiều đợt; thay vì 72 nhân viên, nhân số bây giờ chỉ còn 61, trong đó 21 đang nghỉ phép bên Pháp và 5 được biệt phái đi các cơ quan khác. Tất cả chỉ còn 34 nhân viên học chính lo điều hành và giảng dạy tại các trường thuộc địa. Việc điều hành học chính không còn được đảm bảo. Trong năm

1888 và 1889, các trường 200 học sinh chỉ được một giáo sư; các trường có hơn 200 học sinh chỉ được 2 giáo sư, và trường trung học Mỹ Tho, bao gồm cả trường phụ thuộc, chỉ có được một hiệu trưởng và 3 giáo sư. Hai trường do người Pháp điều hành phải chuyển lại cho giáo viên An Nam.

Các nhân viên phụ tá bản xứ tìm cách rời bỏ ngành học chính vì tình trạng thăng thưởng, trước đây vốn rất chậm và rất khó, giờ lại còn chậm hơn khi cấp trên trực tiếp và chuyên môn của họ, người có thể đề nghị việc thăng thưởng, có khả năng chuyên môn để bảo vệ quyền lợi họ, bị bãi chức. Họ tìm trong các cơ quan hành chính địa phương hay ở Bắc kỳ những công việc lương cao hơn. Những kẻ thành công tìm được đường ra đi không phải là những người yếu kém nhất, vì trong nghề nghiệp thông ngôn hay thư ký, họ là những người có nhiều khả năng giúp việc hơn là những kẻ tầm thường.

Hiệu trưởng các trường trung học hay tiểu học, không hướng dẫn chuyên môn, không thanh tra học chính, vẫn làm tròn nhiệm vụ và lôi cuốn được đông đảo học sinh tới trường.

Chương trình học không còn được rõ ràng chính xác nữa. Những chương trình quy định năm 1879, theo lẽ còn hiệu lực, đã bị bãi bỏ theo lệnh các giám đốc nha học chính vì các chương trình này bao gồm một phần đầu sơ học chủ yếu dạy bằng chữ quốc ngữ, nhưng chúng cũng chưa dứt khoát được thay thế. Những chương trình do các giám đốc học chính soạn ra và được áp dụng khi các vị này còn tại chức, nay bị rơi vào quên lãng tại nhiều trường, vì chúng chưa bao giờ thực sự trở nên bắt buộc bằng biện pháp hành chính.

Gần đây, hiệu trưởng một trong những trường quan trọng đã nêu lên tình trạng này và có một điều chắc chắn là, dù có nhiệt tình, nhiều hiệu trưởng chỉ chú tâm lo cho các lớp đạt kết quả dễ thấy, bỏ bê các lớp khác, và như vậy đi ngược lại mục đích chính của giáo dục, hy sinh tương lai lâu dài cho kết quả nhất thời.

Nhắc đi nhắc lại tình trạng này chẳng ích gì hơn, ai cũng thấy mọi điều bất lợi. Làn tìm ra manh mối đích thực chẳng khó khăn gì; vì, tuy tình trạng của nền học chính trước năm 1888 có vẻ tốt đẹp, điều chắc chắn là kết quả, dù xuất sắc về lượng, vẫn còn có thể tốt đẹp hơn nhiều. Những nguyên do chính của tình trạng này là vì việc điều hành học chính được giao cho hai nhân vật tên tuổi thuộc hai địa hạt chuyên môn khác xa nhau trong tổ chức hành chính tại Pháp, một vị của học chính cấp đại học, một của cấp tiểu học. Cả hai vị từ Pháp qua mang theo một chương trình soạn sẵn, không đếm xỉa gì đến bối cảnh sinh hoạt, phong tục tập quán, đến cá tính của người An Nam, đến nhu cầu của địa phương. Cả hai đã gặp nhau và đồng thuận cầm dùi tiếng bản xứ trong trường học, ngay cả cho trẻ em mới cấp sách đến trường.

Khó có thể tưởng tượng một giáo sư Pháp, không biết một chữ tiếng An Nam, bị buộc phải giảng dạy cho 40 hay 50 trẻ em không biết một chữ tiếng Pháp, lại còn cầm không được nhờ một ai làm trung gian trợ giúp. Phương thức này có thể giúp thu lượm được vài kết quả cá nhân hiếm hoi nhưng lại làm mất thì giờ cho cả lớp. Mục tiêu của giáo dục như vậy là thất bại.

Với hệ thống này, để cho số thí sinh không bị sút so với những năm trước, trình độ thi cử đã phải hạ thấp cho dễ hơn, và hậu quả là phải nhận cho đỗ bằng cao đẳng (*brevet*) những học sinh chỉ vừa xít xoát đủ sức làm bài luận văn trình độ năm thứ nhất lớp cao đẳng bản xứ.

Nhìn từ khía cạnh nào đi nữa, điều chắc chắn là nha học chính phải được thành lập lại và giao cho một người, vừa có khả năng chuyên môn, vừa có kinh nghiệm sống địa phương, hiểu biết người An Nam, phong tục tập quán và cá tính của họ. Kinh nghiệm trên đã chứng minh rằng một vị giáo sư tu từ học (*professeur de rhétorique*) hay giáo sư đại học xuất sắc bên Pháp và một hiệu trưởng giỏi của trường sư phạm, không thể điều hành một cơ quan trong một xứ hoàn toàn khác biệt về phong tục và tiếng nói. Đó là kết luận của Hội đồng thuộc địa (*Conseil colonial*) và Ông Chánh thanh tra Bideault qua lần thanh tra thuộc địa cuối. Các cơ quan cấp cao của Chính quyền, thấy rõ tình trạng yếu kém của hệ thống học chính, trong khi chuẩn bị ngân sách, đã dự liệu bổ nhiệm lại một Giám đốc nha học chính.

Có lẽ cũng nên tái lập lại ủy ban cấp cao học chính và mời vào ủy ban các người đại diện chính quyền trung ương, đại diện chính quyền tỉnh, những nhân viên thuộc ngành giáo dục, những nhân vật tên tuổi người Pháp và vài cựu công chức bản xứ. Ủy ban này, gồm những người biết rõ nhu cầu bản xứ, có thể giúp ý kiến cho giám đốc nha học chính.

Ngay từ đầu, giám đốc nha học chính cũng như ủy ban cấp cao cần phải lưu tâm đến nền móng của hệ thống, là tổ chức các trường học gần các gia đình, tức là các trường hàng tổng (*écoles cantonales*). Được thành lập từ năm 1881, các trường hàng tổng đã phát triển mạnh về cơ sở vật chất nhưng về chuyên môn giáo dục vẫn còn chưa được chú trọng. Phải làm cho chúng trở nên thực sự là trường cấp 1 (*1er degré*) theo quy định của nghị định 1879.

Phải soạn cho các trường một chương trình học với mục đích truyền cho người bản xứ, qua ngôn ngữ của họ, những khái niệm cơ bản cần thiết để sống và tuân theo thể chế do mục tiêu đã được vạch ra và bắt họ phải theo từ ngày chiếm đóng, mục tiêu do nhà nước Cộng Hòa Pháp định ra: văn hóa của dân tộc bị thống trị và sự truyền bá của tư tưởng và tiếng Pháp. Chương trình này có thể sẽ phải như sau :

1. Tập đọc và tập viết (quốc ngữ, và tập phát âm tiếng Pháp). Âm tả bằng chữ quốc ngữ. Giảng văn bằng chữ quốc ngữ, dịch những chữ thường dùng sang tiếng Pháp, các chữ đã dịch được đọc lên, rồi viết lên bảng và viết lại dưới hình thức âm tả;
2. Tính nhẩm bằng quốc ngữ, tập đếm bằng tiếng An Nam và bằng tiếng Pháp, các phép cộng, trừ, nhân, chia bằng tiếng An Nam và bằng tiếng Pháp. Khái niệm hệ thống đo lường mét bằng quốc ngữ và bằng tiếng Pháp, đo chiều dài, đo diện tích, đo khối lượng đơn giản bằng tiếng An Nam và bằng tiếng Pháp. Các bài toán áp dụng, trình độ dễ. So sánh hệ thống đo lường bản xứ và hệ thống đo lường Pháp. Các bài tính lãi xuất đơn giản.
3. Khoa học tự nhiên trên những đề tài thực tiễn và phù hợp với bản xứ, bằng tiếng An Nam. Những chữ thường dùng quan trọng sẽ được dịch sang tiếng Pháp để cho trẻ em thu tập, chậm nhưng chắc chắn, một vốn từ ngữ rất thực tiễn.
4. Vài khái niệm về sử xứ An Nam

5. Địa dư xứ Đông Dương

6. Chữ Nho.

Thời gian học là 3 hay 4 năm, tùy theo tuổi trẻ em (từ 8 đến 12 tuổi).

Hiệu trưởng trường địa hạt (*école d'arrondissement*), luôn luôn phải là người Âu, sẽ thanh tra các trường này. Vị này lựa chọn trong số những học trò giỏi nhất thuộc lớp năm thứ 3 và năm thứ 4 của trường hàng tổng, để mỗi năm có thể lập thành lớp đầu tiên của trường Pháp tại thị xã của địa hạt, 20 tới 25 học sinh chẳng hạn. Những học sinh xem ra không đủ sức tiếp tục học lên phải đem trả về gia đình một khi đã biết đọc, biết viết, biết tính toán bằng tiếng bản xứ và có một vốn nhỏ các từ ngữ thực tiễn bằng tiếng Pháp.

Các trường cấp 1 này thuộc quyền quản trị trực tiếp của chánh tham biện (*chef d'arrondissement*). Hệ thống này đã được nhiều chánh tham biện tán thành; nó vẫn còn được áp dụng trong vài địa hạt, và nói chung cho đến ngày hôm nay không thấy cơ quan hành chính tỉnh có điều gì phiền trách.

Điều duy nhất có thể đáng lo : đó là trình độ hiểu biết quá yếu kém của số đông giáo viên trường hàng tổng. Mọi lo này, cho đến ngày hôm nay, có vẻ có căn cứ vì ta cứ nghĩ trường hàng tổng hay trường làng phải là một loại trường Pháp giống như các trường địa hạt. Thực ra, vẫn có thể tính rằng, trong giới hạn vai trò dành cho giáo viên trường hàng tổng, một giáo viên kém, được hướng dẫn khéo, được kiểm soát chặt chẽ và được thanh tra đều đặn có thể đạt được kết quả mong đợi.

Cao hơn các trường hàng tổng là trường địa hạt, được giao cho giáo sư người Pháp, như đã nói ở trên. Chương trình của các trường này phải là chương trình do nghị định 1879 quy định cho các trường cấp 2. Bàn vào chi tiết sợ quá dài trong khuôn khổ bài viết này, việc phân chia chương trình trong ba năm học là việc của giám đốc nha học chính và ủy ban cấp cao. Ngày nay, số học sinh các trường này đã giảm đi khá nhiều do hệ thống tổ chức và các biện pháp về giáo dục sơ học đã được nói tới ở trên. Hơn nữa, cấp học này kết thúc bằng một kỳ thi lấy chứng chỉ học lực (*certificat d'études*).

Có lẽ cũng phải xét xem có nên đưa vào chương trình một số kiến thức sơ khởi của ngành học nghề và nghề nông. Tại xứ này, thành kiến với công việc tay chân còn sâu đậm hơn bên Âu châu và một học sinh khi bước chân ra khỏi làng là suy tính phải trở thành công chức và ngay cả cha mẹ cũng chỉ mong có vậy; trở về để cày ruộng hay làm nghề tay chân là một cái nhục. Ngay từ tuổi ấu thơ, phải cho trẻ em hiểu rằng cuộc đất hay đục đẽo cũng chẳng hèn kém gì hơn cầm bút.

Hơn nữa, ta cũng có thể tìm hiểu rõ hơn năng khiếu của mỗi trẻ em vào cỡ tuổi 12 hay 13, và hướng dẫn chúng về một trong những ngành học nghề chuyên môn, hệ thống học nghề này có thể là kết cục hoàn mãn cho hệ thống giáo dục địa phương của chúng ta.

Những ngành học này, tùy theo nhu cầu của ngân khố, có thể tập trung vào một cơ sở duy nhất, hoặc rải ra các trường trại chuyên môn khác nhau. Giải pháp thứ nhất có lẽ hay hơn, nhất là đứng về mặt ngân sách, vì nhiều ngành khác nhau có thể

cùng học chung một số bài giảng, và có chung nhiều giáo sư. Các ngành nghề chuyên môn có thể là

1. lớp dạy kỹ thuật chuyên môn hay nghề nông,
2. lớp chuẩn bị cho ngành nghề giáo dục;
3. lớp chuẩn bị trở thành nhân viên hành chính tại Nam kỳ và ngay cả cho toàn cõi Đông Dương vốn sẽ còn cần sự trợ giúp của chúng ta về nhân sự trong thời gian khá lâu nữa.

Để đạt mục tiêu này, chỉ cần sửa đổi nhẹ bớt chương trình cấp 3 của nghị định 1879, và thí sinh phải qua một kỳ thi rất nghiêm túc. Số học viên được thu nhận phải rất giới hạn. Ủy ban cấp cao sẽ nghiên cứu trong chi tiết phương cách áp dụng dựa trên các đề án được trình lên sau này.

Có thể tổ chức ngay trong trường cấp 3 một phân ban đặc biệt cho con em người Pháp và trẻ em lai, giống như tại trường trung học Alger (*lycée*) và các trường trung học (*collège*) bên Algérie, Tunisie, Ấn độ v.v... Con em dân thuộc địa có thể theo học dễ dàng các lớp Pháp văn; chỉ có nhà ngủ, nhà ăn, phòng học là riêng rẽ. Chuyện này chẳng có gì để bàn cãi nhiều, vì thực ra đã được áp dụng tại thuộc địa, con em người Âu trước nay vẫn theo học trường Sài Gòn và trường Taberd trong đó đa số học sinh là người lai hay người An Nam. Những trường này lại còn được cơ quan hành chính sở tại tài trợ hậu hĩnh qua việc cấp học bổng. Với phương thức trên, học phí có thể bớt đi (nên nhớ - Một học bổng cho trẻ em lai tốn 720 francs nếu theo học tại trường Taberd, khoảng 250 francs tại trường trung học thuộc địa.)

Trong bài khảo luận nhỏ này, ta không thể đi quá sâu vào chi tiết; kinh nghiệm ngành học chính nhắc lại ở đầu bài giúp ta chuẩn bị tương lai; chính lịch sử và kinh nghiệm đã đưa đến hệ thống vừa được trình bày ngắn gọn ở trên. Hệ thống này có gây tốn kém hơn cho ngân sách hay không? Có lẽ không, và ngược lại chi phí có khả năng giảm đi vì số học bổng sẽ dần dà bớt đi. Hiện nay, số học bổng cấp cho sang Pháp hay cho theo học tại các trường công hay tư quá nhiều, tiền học bổng cho trẻ em chưa biết đọc ngang với tiền học bổng cho học sinh sắp ra trường, không khác biệt. Các lớp học sơ đẳng đã được đưa đến gần các gia đình, số học bổng sẽ giảm đi nhiều tại các trường địa hạt, đa số là trường ngoại trú.

Cũng cần lưu ý là học sinh các trường này không ở lại học lâu trong trường, và một phần lớn các chi tiêu sẽ không đưa đến kết quả mong đợi, rất nhiều học sinh rời trường ngay sau khi biết đọc, biết viết và biết đếm.

Nhân viên người Âu hiện nay đủ dùng về số lượng cũng như khả năng.

Nhân viên bản xứ, khéo hướng dẫn, sẽ giúp việc đắc lực, nhất là một khi ta cho họ, về mặt chức tước, lương bổng, thăng thưởng, những điều kiện in hệt với nhân viên hành chính trung ương hay các tỉnh.

Sài gòn ngày 20 tháng 10 / 1889
E. Roucoules, Giáo sư-cổ vấn

Lại Như Bằng dịch, ngày 13/07/2010
Bổ túc phần phụ lục / sửa đổi trình bày chú thích 5, ngày 23/06/2012

Phụ lục

(do người dịch bổ túc)

- 1 - Các tỉnh (province) và địa hạt Nam kỳ** (cho đến 1876)
- 2 - Các phân khu hành chính (circonscription) và địa hạt Nam kỳ** (kể từ 5 Janvier 1876)
- 3 - Dân số Nam Kỳ năm 1887** (trích : *Annuaire de la Cochinchine Française, 1887*)
- 4 - Các trường học tại Bắc Kỳ năm 1886** (trích : *Les débuts de l'enseignement français au Tonkin, par M.G.Dumoutier, Organisateur et Inspecteur des écoles franco-annamites.*) / **Các trường học tại Bắc Kỳ năm 1889** (trích : *Annuaire de l'Indochine pour l'année 1889 - IIe Partie Annam et Tonkin*)
- 5 - Bảng nhật sự (Ephémérides)** (trích : *Annuaire de la Cochinchine Française, 1874*)

Các trường học tại Nam Kỳ

- 6 - Các trường học tại Nam Kỳ năm 1870** (trích : *Annuaire de la Cochinchine Française, 1870*)
- 7 - Các trường học tại Nam Kỳ năm 1871** (trích : *Annuaire de la Cochinchine Française, 1871*)
- 8 - Các trường học tại Nam Kỳ năm 1874** (trích : *Annuaire de la Cochinchine Française, 1874*)
- 9 - Các trường học tại Nam Kỳ năm 1876** (trích : *Annuaire de la Cochinchine Française, 1876*)
- 10 - Các trường học tại Nam Kỳ năm 1878** (trích : *Annuaire de la Cochinchine Française, 1878*)
- 11 - Các trường học tại Nam Kỳ năm 1879** (trích : *Annuaire de la Cochinchine Française, 1879*)
- 12 - Các trường học tại Nam Kỳ năm 1881** (trích : *Annuaire de la Cochinchine Française, 1881*)
- 13 - Các trường học tại Nam Kỳ năm 1885** (trích : *Annuaire de la Cochinchine Française, 1885*)
- 14 - Các trường học tại Nam Kỳ năm 1886** (trích : *Annuaire de la Cochinchine Française, 1886*)
- 15 - Các trường học tại Nam Kỳ năm 1887** (trích : *Annuaire de la Cochinchine Française, 1887*)
- 16 - Các trường học tại Nam Kỳ năm 1888** (trích : *Annuaire de la Cochinchine Française, 1888*)

1 - Các tỉnh (province) và địa hạt Nam kỳ (Cho đến 1876)

Tỉnh Sài Gòn - Địa hạt : Sài Gòn, Chợ Lớn, Gò Công, Tân An, Tây Ninh

Tỉnh Mỹ Tho - Địa hạt : Mỹ Tho

Tỉnh Biên Hoà - Địa hạt : Biên Hoà, Bà Rịa, Thủ đầu Một

Tỉnh Vĩnh Long - Địa hạt : Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre, Trà Ôn

Tỉnh Châu Đốc - Địa hạt : Châu Đốc, Sa Đéc, Sóc Trăng, Long Xuyên

Tỉnh Hà Tiên - Địa hạt : Hà Tiên, Rạch Giá

(Theo *Annuaire de la Cochinchine Française*, 1874, trang 139 - trang 172)

Năm 1871:

Trích : *Annuaire de la Cochinchine Française*, 1871, trang 126

"Theo thông lệ, tại Nam Kỳ, các tỉnh vẫn được phân như thời còn chính quyền An Nam, nhưng tên tỉnh không còn bất kỳ một ý nghĩa hành chính đặc biệt nào . Tất cả mọi quyết định hành chính đều xuất phát từ Sài Gòn. (...)

Việc cai trị bản xứ được giao cho các chánh tham biện (*inspecteur des affaires indigènes*) và địa hạt cai trị của một chánh sự vụ bản xứ được gọi là "sở tham biện" (*inspection*)."

Năm 1874:

Trích : *Annuaire de la Cochinchine Française*, 1874 , trang 139 :

"Việc cai trị bản xứ được giao cho các chánh tham biện và khu vực cai trị của chánh tham biện được gọi là "địa hạt" (*arrondissement*). "

Như vậy, vào năm 1874, Chính quyền thuộc địa thay tên gọi "inspection" (sở tham biện) bằng "Arrondissement" (Địa hạt).

2 - Các phân khu hành chính (circonscription) và địa hạt Nam kỳ

(kể từ 5 Janvier 1876)

Phân khu Sài Gòn - Địa hạt : Sài Gòn, Tây Ninh, Thủ Đầu Một, Biên Hoà, Bà Rịa

Phân khu Mỹ Tho - Địa hạt : Mỹ Tho, Tân An, Gò Công, Chợ Lớn

Phân khu Vĩnh Long - Địa hạt : Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh, Sa Đéc

Phân khu Bassac - Địa hạt : Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Cần Thơ, Sóc Trăng

(Theo *Annuaire de la Cochinchine Française*, 1878, trang 171)

3 - Dân số Nam Kỳ (1887)

(trích : *Annuaire de la Cochinchine Française, 1887*) trang 488

Địa hạt (Arrondissements)	Pháp	An Nam	Căm-bốt (Cb) Mọi (Mo) Chàm (Ch)	Hoa	Malabar (Án) Mã Lai (Ma)	Tổng Cộng
Bạc Liêu	18	41 454	8 648(Cb) 351(Mo)	2 332	3 (Án)	52 806
Bà Rịa	50	8 801		316		9 167
Bến Tre	30	161 441		1 270	6 (Án)	162 747
Biên Hòa	33	61 428		940		62 401
Cần Thơ	20	80 000	10 630(Cb)	2 035	7 (Án)	92 692
Châu Đốc	28	70 660	15 090(Cb) 4 385(Ch)	1 500	30 (Án)	91 693
Chợ Lớn (ville)	74	17 034		14 559	68 (Án) 24 (Ma)	31 759
Chợ Lớn (inspection)	2	121 236		994		122 232
Gò Công	13	64 170		588	14 (Án)	64 785
Hà Tiên	8	6 299	1 633(Cb)	908	3 (Án)	8 851
Long Xuyên	16	76 462	2 194(Cb)	781	1 (Án)	79 454
Mỹ Tho	70	250 120		2 093	45 (Án)	252 328
Rạch Giá	10	8 850	10 350(Cb)	870	5 (Án)	20 085
Sa Đéc	29	125 040		1 644	4 (Án) 1 (Ma)	126 718
Sài Gòn (Gia Định)	29	161 944		883		162 856
Sóc Trăng	32	25 327	20 161(Cb)	4 159	18 (Án)	49 697
Tân An	15	67 787		409	2 (Án)	68 213
Tây Ninh	27	25 933	2 650(Cb) 338(Ch)	339		29 287
Thủ Dầu Một	22	63 248	5 920(Mo)	379	2 (Án)	69 580
Trà Vinh	28	45 500	40 160(Cb)	4 114	4 (Án)	89 896
Vĩnh long	35	101 480		1 391	7 (Án)	102 913
Địa hạt 20	191	13 532	13(Cb)	830	68 (Án) 7 (Ma)	14 641
Côn Đảo	13	127		190	4 (Án)	334
Tổng cộng	793	1 597 963	111 520(Cb) 6 280(Mo) 4 728(Ch)	43 524	291 (Án) 32 (Ma)	1 765 135

4 - a/ Các trường học tại Bắc Kỳ năm 1886

"Khi Paul Bert tới Bắc Kỳ, khắp xứ chỉ có 3 trường Pháp. Trong vòng chưa tới một năm, ngày hội chợ (exposition), ta tính được :

1 trường thông ngôn
9 trường tiểu học (nam)
4 trường tiểu học (nữ)
1 trường tư dạy vẽ
117 trường tư dạy chữ quốc ngữ."

(*Les débuts de l'enseignement français au Tonkin*, par M.G.Dumoutier, Organisateur et Inspecteur des écoles franco-annamites.)

Paul Bert được cử làm Thống sứ An Nam Bắc Kỳ ngày 8 tháng 4 năm 1886

b/ Các trường học tại Bắc Kỳ năm 1889

trích dịch :

"Tiểu dẫn về nền học chính tiểu học tại Bắc Kỳ

"Số trường được ngân sách Chính quyền Bảo hộ tài trợ tại Bắc Kỳ và An Nam là mười sáu, gồm có một trường thông ngôn tại Hà Nội, mười hai trường Pháp-Annam cho nam học sinh tại các địa điểm sau đây: Nam Định, Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Ninh Bình, Hưng Yên, Quảng Yên, Hải Dương, Sơn Tây, Tuyên Quang, Bình Định và Qui Nhơn;

Ba trường nữ (écoles de filles), quy tụ các học trò người Âu hai phái nam và nữ, và các nữ sinh người An Nam, tại Hà Nội, Nam Định và Hải Phòng.

Ngoài ra, tại Hà Nội còn có thêm:

Một trường dạy tiếng An Nam cho công chức,

Một trường Pháp, do các giáo sĩ của Hội truyền giáo nước ngoài điều hành;

Và tại Hải Phòng, một trường nữ do các nữ tu sĩ điều hành.

Các giáo sĩ Hội truyền giáo nước ngoài và các giáo sĩ Tây Ba Nha còn có một số trường riêng, quan trọng nhất là trường Phúc Nhạc.

Ngoài các trường của Chính quyền Bảo hộ, chữ Quốc ngữ và vài khái niệm sơ đẳng tiếng Pháp còn được dạy tại khoảng hai mươi trường tư của người An Nam. vào các năm 1886 và 1887, số trường tư lên rất cao; có 42 trường gửi công trình trưng bày tới Hội chợ triển lãm tại Hà Nội."

(trích : *Annuaire de l'Indochine pour l'année 1889 - IIe Partie - Annam et Tonkin*. trang 270)

5- Bảng nhật sự

(Ephémérides)

(*Annuaire de la Cochinchine Française, 1874, trang 58*)

dịch : (*Vice-amiral /Phó đô đốc*) ; (*Contre-amiral/Chuẩn đô đốc*) ; (*Capitaine de vaisseau/Đại tá Hải quân*) ; (*Capitaine de frégate/Trung tá Hải quân*)

1/9/1858 - Chiếm Tourane (Phó đô đốc Rigault de Genouilly).

11/2/1859 - Chiếm các chiến lũy cửa sông Đồng Nai (Phó đô đốc Rigault de Genouilly).

17/2/1859 - Chiếm Sài Gòn (Phó đô đốc Rigault de Genouilly).

7 và 8/5/1859 - Đánh bại quân An Nam và chiếm chiến lũy trước cửa Tourane (Phó đô đốc Rigault de Genouilly).

25/2/1861 - Chiếm dãy thành lũy Kỳ Hòa (Phó đô đốc Charner ; Đại tá Tây Ba Nha Palanca).

10/4/1861 - Chiếm giữ Kinh Bưu Điện (Arroyo de la Poste) (Đại tá Hải quân Le Couriault du Quilio) - Cái chết vinh quang của Trung tá Hải quân Bourdais.

12/4/1861 - Chiếm Mỹ Tho (Chuẩn đô đốc Page).

9/12/1861 - Chiếm Biên Hòa (Chuẩn đô đốc Bonard).

28/3/1862 - Chiếm Vĩnh Long (Chuẩn đô đốc Bonard).

5/6/1862 - Hiệp ước Sài Gòn (Chuẩn đô đốc Bonard).

25/2/1863 - Chiếm Gò Công (Phó đô đốc Bonard).

11/8/1863 - Vua Cam-bốt, Phara-Norodom ký hiệp ước với đô đốc De la Grandière, chịu sự đô hộ của người Pháp và hiến cho nước Pháp vị trí quan trọng Quatre-bras (tên cam-bốt : chakdomuk) trên sông lớn của Cam-bốt.

22,23 và 24/6/1864 - Chiến dịch Sông Rẫy.

27/1/1865 - Chiếm Gia Phú.

25/2/1866 - Hội chợ Triển lãm đầu tiên về nông nghiệp và công nghiệp Nam kỳ.

17/4/1866 - Chiếm Tháp Mười (Chiến dịch Đồng Tháp Mười).

20/6/1867 - Chiếm giữ thành và tỉnh Vĩnh Long (Phó đô đốc de la Grandière).

22/6/1867 - Chiếm giữ thành và tỉnh Châu Đốc (Phó đô đốc de la Grandière).

24/6/1867 - Chiếm giữ thành và tỉnh Hà Tiên (Phó đô đốc de la Grandière).

12/3/1868 - Trung tá Hải quân Doudart de Lagrée, trưởng đoàn thám hiểm khoa học sông Cửu Long, lìa đời.

21/6/1868 - Chiếm lại thành Rạch Giá từ tay quân nổi loạn, ngày 21/6/1868 lúc 3 giờ chiều.

8/11/1868 - Chiến dịch Ti-tinh và đánh tan quân nổi loạn phía Bắc.

24/1/1869 - 26/9/1869 - Các ông d'Arfeuille và Rheinart, thanh tra chánh sự vụ bản xứ, thăm dò xứ Lào

Tháng 4/1870 - Vạch biên giới giữa Cam-bốt và Nam kỳ

6/4/1870 - Chiến dịch dẹp loạn Stiengs

1/7/1870 - Một phái đoàn ngoại giao Xiêm tới Sài Gòn để điều đình các điều kiện đánh cá trên Biển Hồ.

21/10/1870 - Tuyên ngôn thành lập thể chế cộng hòa.

25/7/1871 - Thiết lập hộ tịch người bản xứ

15/9/1871 - Nghị định bắt buộc tiêm chủng

6 - Các trường học tại Nam Kỳ năm 1870

(trích : *Annuaire de la Cochinchine Française, 1870*)

	Số trường	Số học sinh	
Trường tỉnh Sài Gòn (Institution municipale de Saigon)	1	119	
Trường Bá Đa Lộc tại Sài Gòn (Ecole d'Adran à Saigon) (Nam)			Điều hành bởi các tu sĩ đạo Ki-tô
Trường La Ste Enfance (Nữ)			Điều hành bởi các nữ tu dòng Saint-Paul de Chartres
Trường La Ste Enfance (Nam)			- nt -
Tỉnh Sài Gòn (Province de Saigon)			
- Sài Gòn	19	782	
- Chợ Lớn	8	151	Điều hành bởi các tu sĩ đạo Ki-tô
- Cần Giuộc	3	142	
- Gò Công	2	150	
- Tân An	7	151	
- Tây Ninh	1	26	
- Trảng Bàng	2	41	
Tỉnh Mỹ Tho (Province de Mỹ Tho)			
- Mỹ Tho	14	468	Điều hành bởi các tu sĩ đạo Ki-tô
- Cần Thơ	4	150	
Tỉnh Biên Hòa (Province de Bien-Hoa)			
- Biên Hòa	5	110	
- Bà Rịa	1	45	
- Thủ Dầu Một	5	211	
- Long Thành	4	125	35 học sinh thành niên theo học một lớp do thư ký sở tham biện điều hành
Tỉnh Vĩnh Long (Province de Vinh-Long)			
- Vĩnh Long	12	484	
- Trà Vinh	2	105	
- Bến Tre	3	190	131 dân vệ theo một lớp học đặc biệt dành riêng cho họ
- Mô Cày (Nam)	8	326	
- Bắc Trang (Nam)	3	564	Một trường 64 học sinh, điều hành bởi các tu sĩ đạo Ki-tô
Tỉnh Châu Đốc (Province de Châu Đốc)			
Sở tham biện (Inspections)			
- Châu Đốc	2	117	
- Sa Đéc	4	135	
- Sóc Trăng	3	100	
- Cần Thơ	6	180	25 dân vệ theo một lớp học đặc biệt dành riêng cho họ
- Long Xuyên	5	198	
Tỉnh Hà Tiên (Province de Hà Tiên)			
Sở tham biện (Inspections)			
- Hà Tiên	1	30	
- Rạch Giá	2	31	
Tổng cộng	127	5 131	

7 - Các trường học tại Nam Kỳ năm 1871

(trích : *Annuaire de la Cochinchine Française, 1871*)

	Số trường	Số học sinh	
Trường tỉnh Sài Gòn (Institution municipale de Saigon)	1	131	
Trường Bá Đa Lộc tại Sài Gòn (Ecole d'Adran à Saigon) (Nam)	1	117	Điều hành bởi các tu sĩ đạo Ki-tô
Trường La Ste Enfance (Nữ)	1	102	Điều hành bởi các nữ tu dòng Saint-Paul de Chartres
Trường La Ste Enfance (Nam)	1	53	- nt -
Chủng Viện Saigon	1	131	Điều hành bởi các giáo sĩ Hội truyền giáo nước ngoài
Tỉnh Sài Gòn (Province de Saigon)			
Sở tham biện (Inspections)			
- Sài Gòn	18	649	
- Chợ Quán	1	25	
- Chợ Lớn	8	197	Điều hành bởi các tu sĩ đạo Ki-tô
- Cần Giuộc	3	177	
- Gò Công	2	98	
- Tân An	4	125	
- Tây Ninh	1	22	
- Trảng Bàng	3	92	
Tỉnh Mỹ Tho (Province de Mỹ Tho)			
Sở tham biện (Inspections)			
- Mỹ Tho	9	181	Điều hành bởi các tu sĩ đạo Ki-tô
- Mỹ Tho Ste- Enfance (Nữ)	1	153	Điều hành bởi các nữ tu dòng Saint-Paul de Chartres
- Cái Bè	7	249	
Tỉnh Biên Hòa (Province de Bien-Hoa)			
Sở tham biện (Inspections)			
- Biên Hòa	5	99	
- Bà Rịa	3	108	
- Long Thành	7	190	37 học sinh thành niên theo học một lớp do chính quyền tổ chức
- Thủ Dầu Một	6	161	
Tỉnh Vĩnh Long (Province de Vinh-Long)			
Sở tham biện (Inspections)			
- Vĩnh Long	10	428	
- Bắc Trang (Nam)	2	78	Một trường 61 học sinh, điều hành bởi các tu sĩ đạo Ki-tô
- Bắc Trang (Nữ)	2	156	
- Bến Tre	3	165	130 dân vệ theo một lớp học đặc biệt dành riêng cho họ
- Mỏ Cày (Nam)	6	420	
- Mỏ Cày (Nữ)	2	278	
- Trà Vinh	3	97	

Tỉnh Châu Đốc (Province de Châu Đốc)			
Sở tham biện (Inspections)			
- Châu Đốc	2	67	
- Cần Thơ	9	317	28 dân vệ theo một lớp học đặc biệt dành riêng cho họ
- Long Xuyên	5	180	
- Sa Đéc	5	187	
- Sóc Trăng	4	99	
Tỉnh Hà Tiên (Province de Hà Tiên)			
Sở tham biện (Inspections)			
- Hà Tiên	1	8	
- Rạch Giá	2	38	
Tổng cộng	139	5 578	

8 - Các trường học tại Nam Kỳ năm 1874

(trích : *Annuaire de la Cochinchine Française, 1874*)

	Số trường	Số học sinh
Trường sư phạm Sài Gòn (Ecole normale de Saigon)	1	80
Trường tỉnh Sài Gòn (Institution municipale de Saigon)	1	131
Trường Bá Đa Lộc tại Sài Gòn (Nam)	1	128
Trường La Ste Enfance (Nữ)	1	113
Trường La Ste Enfance (Nam)	1	52
Trường La Ste Enfance, Mỹ Tho (Nữ)	1	50
Trường La Ste Enfance, Mỹ Tho (Nam)	1	25
Chủng Viện Saigon	1	127
<u>Tỉnh Sài Gòn (Province de Saigon)</u>		
Địa hạt (Arrondissements)		
- Sài Gòn	5	98
- Chợ Quán (Nữ)	1	28
- Chợ Lớn	11	285
- Tân An	1	108
- Tây Ninh	3	108
- Gò Công	6	220
<u>Tỉnh Mỹ Tho (Province de Mỹ Tho)</u>		
Địa hạt (Arrondissements)		
- Mỹ Tho (trường phi tôn giáo)	1	250
- Mỹ Tho (trường dòng)	1	90
<u>Tỉnh Biên Hòa (Province de Bien-Hoa)</u>		
Địa hạt (Arrondissements)		
- Biên Hòa	8	203
- Bà Rịa	1	110
- Thủ Dầu Một	1	120
<u>Tỉnh Vĩnh Long (Province de Vinh-Long)</u>		
Địa hạt (Arrondissements)		
- Vĩnh Long	18	625
- Bến Tre	13	158
- Trà Vinh	3	152
<u>Tỉnh Châu Đốc (Province de Châu Đốc)</u>		
Địa hạt (Arrondissements)		
- Châu Đốc	2	80
- Trà Ôn	9	158
- Long Xuyên	1	50
- Sa Đéc	7	247
- Sóc Trăng	3	90
<u>Tỉnh Hà Tiên (Province de Hà Tiên)</u>		
Địa hạt (Arrondissements)		
- Hà Tiên	2	60
- Rạch Giá	2	60
Tổng cộng	107	4006

9 - Các trường học tại Nam Kỳ năm 1876

(trích : *Annuaire de la Cochinchine Française, 1876*)

		Số học sinh
Trường trung học bản xứ Sài Gòn (Collège indigène de Saigon)		83
Trường tỉnh Sài Gòn (Institution municipale de Saigon)		52
Trường trung học Bá Đa Lộc tại Sài Gòn (Nam)		136
Trường Đạo Mỹ Tho		123
Trường Đạo Vĩnh Long		66
Trường La Sainte Enfance Sài Gòn (Nữ)	140	190
Trường La Sainte Enfance Sài Gòn (Nam)	50	
Trường La Sainte Enfance Mỹ Tho (Nữ)	85	105
Trường La Sainte Enfance Mỹ Tho (Nam)	20	
Trường La Sainte Enfance Vĩnh Long (Nữ)		90
Chủng Viện Saigon		140
Trường Taberd, tại Sài Gòn		26
<u>Trường tiểu học địa hạt (Ecoles primaires d'arrondissements)</u>		
- Sài Gòn		142
- Chợ Lớn		90
- Mỹ Tho		68
- Vĩnh Long		45
- Bến Tre		63
- Sóc Trăng		-
<u>Trường bản xứ (Ecoles indigènes)</u>		
- Biên Hòa		52
- Rạch Giá		53
- Trà Vinh		100
- Châu Đốc		26
- Sa Đéc		60
- Trà Ôn		20
- Tân An		46
- Tây Ninh		50
- Bà Rịa		39
- Gò Công		62
- Long Xuyên		2
- Thủ Đầu Một		50
- Hà Tiên		60
- Phú Quốc		20
Tổng cộng		2059

10 - Các trường học tại Nam Kỳ năm 1878

(trích : *Annuaire de la Cochinchine Française, 1878*)

		Số học sinh
Trường trung học Chasseloup-Laubat		127
Trường tỉnh (Institution municipale)		26
Trường trung học Bá Đa Lộc		139
Trường Đạo Mỹ Tho		141
Trường Đạo Vĩnh Long		45
Trường La Sainte Enfance Sài Gòn (Nữ)		323
Trường La Sainte Enfance Sài Gòn (Nam)		35
Trường La Sainte Enfance Mỹ Tho (Nữ)		43
Trường La Sainte Enfance Mỹ Tho (Nam)		17
Trường La Sainte Enfance Vĩnh Long (Nữ)		75
Trường La Sainte Enfance Biên Hòa (Nữ)		40
Chủng Viện Saigon		147
Trường Taberd, tại Sài Gòn		26
Trường tư cho nữ sinh (Ecole libre de filles) do bà Dussutour điều hành		12
<u>Trường tiểu học địa hạt (Ecoles primaires d'arrondissements) do người Pháp điều hành</u>		
- Sài Gòn (Bình Hòa)		120
- Chợ Lớn		90
- Mỹ Tho		20
- Vĩnh Long		31
- Bến Tre		52
- Sóc Trăng		47
- Biên Hòa		90
<u>Trường tiểu học địa hạt (Ecoles primaires d'arrondissements) do giáo viên An Nam điều hành</u>		
- Rạch Giá		14
- Trà Vinh		16
- Châu Đốc		10
- Sa Đéc		27
- Cần Thơ		50
- Tân An		16
- Tây Ninh		12
- Bà Rịa		42
- Gò Công		30
- Long Xuyên		14
- Thủ Đầu Một		20
- Hà Tiên		5
- Phú Quốc		22
- Phnom Penh		25
<u>Trường của Hội truyền giáo (Ecoles des missionnaires)</u>		
- Tại Cái Môn (Bến Tre)	Nam	100
	Nữ	100
- Tại Mặc-bắc, Bãi-xà và Giồng rùm (Trà Vinh)		40

11 - Các trường học tại Nam Kỳ năm 1879

(trích : *Annuaire de la Cochinchine Française, 1879*)

		Số học sinh
Trường trung học Chasseloup-Laubat		130
Trường tỉnh (Institution municipale)		25
Trường trung học Bá Đa Lộc (Adran)		148
Trường Đạo Mỹ Tho		143
Trường Đạo Vĩnh Long		60
Trường La Sainte Enfance Sài Gòn (Nam)		35
Trường La Sainte Enfance Sài Gòn (Nữ)		320
Trường La Sainte Enfance Mỹ Tho (Nam)		58
Trường La Sainte Enfance Mỹ Tho (Nữ)		100
Trường La Sainte Enfance Vĩnh Long (Nữ)		62
Chủng Viện Saigon		147
Trường Taberd, tại Sài Gòn		26
Trường tư cho nữ sinh (Ecole libre de filles) do bà Dussutour điều hành		12
<u>Trường tiểu học địa hạt (Ecoles primaires d'arrondissements) do người Pháp điều hành</u>		
- Sài Gòn		152
- Biên Hòa		83
- Mỹ Tho		102
- Chợ Lớn		90
- Vĩnh Long		40
- Bến Tre		52
- Sóc Trăng		70
- Phnom Penh		25
<u>Trường tiểu học địa hạt (Ecoles primaires d'arrondissements) do giáo viên An Nam điều hành</u>		
- Tây Ninh		12
- Thủ Đầu Một		33
- Bà Rịa		-
- Tân An		3
- Gò Công		36
- Trà Vinh		45
- Sa Đéc		27
- Châu Đốc		10
- Hà Tiên		6
- Long Xuyên		35
- Rạch Giá		16
- Cần Thơ		-
- Phú Quốc		-
<u>Trường của Hội truyền giáo (Ecoles des missionnaires)</u>		
- Tại Cái Mơn (Bến Tre)	Nam	40
	Nữ	30
- Tại Mặc-bắc, Bãi-xàu và Giồng rùm (Trà Vinh)		140
Tổng cộng		2313

12 - Các trường học tại Nam Kỳ năm 1881

(trích : *Annuaire de la Cochinchine Française, 1881*)

A. Trường Pháp

Địa hạt (Arrondissements)	Số trường	Số Giáo sư Pháp	Số Giáo sư An Nam	Số trung bình học sinh
Học sinh Nam				
Sài Gòn : Trường tỉnh (École municipale)	1	2	-	30
Sài Gòn : Trường tiểu học (lớp dự bị) 14 nữ sinh theo học, (*) 2 giáo viên nữ Pháp	1	2(*)	2	72
Sài Gòn : Trường trung học (collège) Chasseloup-Laubat	1	9	11	285
Sài Gòn : Trường trung học Bá Đa Lộc (Adran)	1	7	4	180
Sài Gòn : Trường Taberd (trường đạo)	1	1	-	30
Trường Bình Hòa (địa hạt Sài Gòn)	1	2	6	230
Trường Mỹ Tho	1	3	6	157
Trường đạo Mỹ Tho	1	4	2	205
Trường Vĩnh Long	1	2	4	150
Trường đạo Vĩnh Long	1	4	1	90
Trường Biên Hòa	1	1	3	105
Trường Sóc Trăng	1	1	3	57
Trường Bến Tre	1	1	5	140
Trường Hoa Chợ Lớn (trường tỉnh ngoại trú)	1	1	1	20
Trường Chợ Lớn	1	1	5	145
Trung đoàn lính An Nam				519
Tổng cộng	15	41	53	2365
Học sinh Nữ				
Sài Gòn :				
Trường La Sainte-Enfance (Viện mồ côi)	1	24	8	435
Trường La Sainte-Enfance (Tân Định)	1	5	3	130
Trường La Sainte-Enfance (Chợ Lớn)	1	2	2	35
Trường La Sainte-Enfance (Mỹ Tho)	3	5	3	170
Trường La Sainte-Enfance (Vĩnh Long)	2	4	3	71
Trường La Sainte-Enfance (Biên Hòa)	3	5	3	81
Sài Gòn : Trường tỉnh do bà Dussutour điều hành	1	2	-	32
Sài Gòn : Trường Địa hạt	7	3	5	239
Châu Đốc	1	2	2	42
Chợ Lớn	1	2	1	25
Long Xuyên	10	8	6	146
Sóc Trăng	2	2	-	20
Tây Ninh	2	2	-	69
Tổng cộng				

B. Trường bản xứ dạy chữ viết bằng chữ mẫu Pháp

Địa hạt (Arrondissements)	Số tổng	Số làng	Số trường	Số Giáo sư	Số trung bình học sinh
Học sinh Nam					
Bà Rịa	4	44	26	26	363
Bến Tre	20	189	28	22	904
Biên Hòa	10	145	32	32	850
Cần Thơ	8	109	22	24	1610
Châu Đốc	8	93	8	8	303
Chợ Lớn (tỉnh lỵ)	-	-	20	20	285
Chợ Lớn (địa hạt)	12	207	26	26	568
Gò Công	5	50	45	72	926
Hà Tiên	4	15	8	8	150
Long Xuyên	8	63	28	24	679
Mỹ Tho	15	202	18	18	894
Rạch Giá	10	99	-	-	-
Sa Đéc	9	97	10	11	689
Sài Gòn (tỉnh lỵ)	-	-	-	-	-
Sài Gòn (địa hạt)	18	230	48	51	1456
Sóc Trăng	14	135	17	19	1307
Tân An	10	119	98	105	1750
Tây Ninh	10	73	24	24	554
Thủ Đầu Một	6	85	13	15	500
Trà Vinh	13	201	33	40	300
Vĩnh Long	13	183	26	26	816
Trung đoàn lính An Nam					1176
Tổng cộng	197	2339	530	571	16077
Học sinh Nữ					
Bà Rịa	4	44	1	1	91
Biên Hòa	10	145	1	1	87
Châu Đốc	8	93	1	1	42
Long Xuyên	8	63	2	2	146
Sài Gòn (địa hạt)	18	230	3	3	239
Sóc Trăng	14	135	1	1	20
Tây Ninh	10	73	2	2	69
Thủ Đầu Một	6	85	2	2	182
Trà Vinh	13	201	1	1	96
Vĩnh Long	13	183	2	4	140
Tổng cộng	104	1252	16	18	1112

C - Trường dạy chữ Nho

Các trường này điều hành không theo quy chế nào, do đó các con số đưa ra chỉ có tính cách phỏng chừng.

Địa hạt (Arrondissements)	Số tổng	Số làng	Số trường	Số Giáo sư	Số học sinh
Bà Rịa	4	44	16	16	153
Bến Tre	20	189	-	-	-
Biên Hòa	10	145	16	16	393
Cần Thơ	8	109	-	-	-
Châu Đốc	8	93	37	37	285
Chợ Lớn (tỉnh lỵ)	-	-	5	5	73
Chợ Lớn (địa hạt)	12	207	49	49	568
Gò Công	5	50	9	9	134
Hà Tiên	4	15	-	-	-
Long Xuyên	8	63	50	51	660
Mỹ Tho	15	202	165	165	3317
Rạch Giá	10	99	15	15	223
Sa Đéc	9	97	55	55	655
Sài Gòn (tỉnh lỵ)	-	-	-	-	-
Sài Gòn (địa hạt)	18	230	16	16	520
Sóc Trăng	14	135	44	51	316
Tân An	10	119	2	2	28
Tây Ninh	10	73	31	31	471
Thủ Dầu Một	6	85	33	33	315
Trà Vinh	13	201	-	-	-
Vĩnh long	13	183	56	56	595
Tổng cộng	197	2339	599	607	8706

13 - Các trường học tại Nam Kỳ năm 1885

(trích : *Annuaire de la Cochinchine Française, 1885*)

A. Trường Pháp

Địa hạt (Arrondissements)	Số trường	Số Giáo sư Pháp	Số Giáo sư An Nam	Số học sinh
Học sinh Nam				
Sài Gòn : Trường tỉnh (École municipale)	1	4	2	116
Sài Gòn : Trường trung học (collège) Chasseloup-Laubat	1	12	11	352
Sài Gòn : Trường trung học Bá Đa Lộc (Adran)	1	7	9	210
Sài Gòn : Trường Taberd (trường đạo)	1	2	2	76
Trường Bình Hòa	1	3	7	186
Trường trung học (collège) Mỹ Tho	1	9	6	265
Trường Vĩnh Long	1	2	4	76
Trường Biên Hòa	1	3	4	132
Trường Sóc Trăng	1	2	4	75
Trường Bến Tre	1	3	5	196
Trường Chợ Lớn	1	2	4	144
Trường Gò Công	1	1	3	110
Trường Tây Ninh	1	1	3	59
Tổng cộng	13	51	64	1997
Trường do người bản xứ điều hành				
Trường Hà Tiên	1	-	2	30
Trường Long Xuyên	1	-	2	65
Trường Sa Đéc	1	-	2	27
Trường Tân An	1	-	3	82
Trường Thủ Đầu Một	1	-	2	37
Trường Trà Vinh	1	-	2	32
Trường Rạch Giá	1	-	1	-
Tổng cộng	7	-	14	273
Học sinh Nữ				
Sài Gòn : Trường tỉnh (École municipale)	1	5	-	57
Sài Gòn : Trường La Sainte-Enfance (Nội trú và mồ côi)	1	10	8	311
Sài Gòn : Trường Tân Định	1	2	2	158
Trường Chợ Lớn	1	2	1	45
Trường Mỹ Tho	1	3	1	712
Trường Vĩnh Long	1	2	-	90
Trường Biên Hòa	1	3	1	36
Tổng cộng	7	27	13	1409

B. Trường bản xứ dạy chữ viết bằng chữ mẫu La-tinh

Địa hạt (Arrondissements)	Số tổng	Số làng	Số trường	Số Giáo sư	Số học sinh
Học sinh Nam					
Bà Rịa	4	44	16	16	424
Bến Tre	21	183	60	60	1767
Biên Hòa	16	192	36	36	985
Cần Thơ	11	119	9	9	565
Châu Đốc	10	99	28	28	1571
Chợ Lớn (địa hạt)	12	207	13	13	353
Gò Công	4	50	37	37	2153
Hà Tiên	4	15	6	6	106
Long Xuyên	8	63	14	14	828
Mỹ Tho	15	202	29	29	1108
Rạch Giá	7	99	5	5	133
Sa Đéc	9	88	11	11	453
Sài Gòn (tỉnh lỵ)	18	58	82	82	1922
Sóc Trăng	11	134	11	11	390
Tân An	10	120	23	23	848
Tây Ninh	10	72	29	29	822
Thủ Đầu Một	10	102	15	15	742
Trà Vinh	13	200	19	19	1076
Vĩnh long	13	183	15	15	826
Địa hạt 20	2	-	2	2	107
Bạc Liêu	2	29	16	16	424
Côn Đảo	1	3	1	1	10
Tổng cộng	211	2262	477	477	17613
Học sinh Nữ					
Bà Rịa	4	44	2	3	83
Biên Hòa	16	192	1	1	24
Châu Đốc	10	99	3	3	50
Long Xuyên	-	-	-		
Sài Gòn (địa hạt)	18	208	6	6	450
Sóc Trăng	11	134	1	1	19
Tây Ninh	10	72	2	2	65
Thủ Đầu Một	10	102	3	3	225
Trà Vinh	13	200	1	1	80
Vĩnh Long	13	183	2	2	132
Tổng cộng	105	1234	21	21	1128

C - Trường dạy chữ Nho

Địa hạt (Arrondissements)	Số tổng	Số làng	Số trường	Số Giáo sư	Số học sinh
Bà Rịa	4	44	4	4	50
Bến Tre	21	183	18	18	228
Biên Hòa	16	192	7	7	150
Cần Thơ	11	119	-	-	-
Châu Đốc	10	99	5	5	58
Chợ Lớn (tỉnh lỵ)	-	-	-	-	-
Chợ Lớn (địa hạt)	12	207	40	40	430
Gò Công	4	50	20	20	200
Hà Tiên	4	15	-	-	-
Long Xuyên	8	63	-	-	-
Mỹ Tho	15	202	38	38	465
Rạch Giá	7	99	10	10	186
Sa Đéc	-	-	-	-	-
Sài Gòn (địa hạt)	-	-	-	-	-
Sóc Trăng	-	-	-	-	-
Tân An	10	120	2	2	50
Tây Ninh	10	72	4	4	45
Thủ Dầu Một	10	102	11	11	70
Trà Vinh	-	-	-	-	-
Vĩnh long	13	183	42	42	310
Bạc Liêu	2	29	8	8	112
Tổng cộng	157	1779	209	209	2354

14 - Các trường học tại Nam Kỳ năm 1886

(trích : *Annuaire de la Cochinchine Française, 1886*)

A. Trường Pháp

Địa hạt (Arrondissements)	Số trường	Số Giáo sư Pháp	Số Giáo sư An Nam	Số học sinh
Trường do người Âu điều hành				
Học sinh Nam				
Trường trung học Chasseloup-Laubat	1	12	20	400
Trường trung học Bá Đa Lộc (Collège d'Adran)	1	11	12	270
Trường trung học Mỹ Tho	1	10	11	259
Trường tiểu học Bến Tre	1	3	8	255
Trường tiểu học Gia Định	1	3	7	183
Trường tiểu học Biên Hòa	1	3	5	127
Trường tiểu học Vĩnh Long	1	2	4	96
Trường tiểu học Sóc Trăng	1	2	4	73
Trường tiểu học Gò Công	1	1	4	96
Trường tiểu học Tây Ninh	1	1	3	70
Tổng cộng	10	48	78	1829
Học sinh Nữ				
Trường tỉnh Sài Gòn (École municipale de Saigon)	1	3	-	52
Trường La Sainte-Enfance (Nội trú và mồ côi)	1	10	8	366
Trường Tân Định	1	2	2	165
Trường Chợ Lớn	1	2	1	45
Trường Mỹ Tho	1	3	1	160
Trường Vĩnh Long	1	2	-	18
Trường Biên Hòa	1	3	1	56
Tổng cộng	7	25	13	942

B. Trường bản xứ

Trường địa hạt điều hành do quỹ thuộc địa tài trợ, các trường tổng điều hành dựa vào ngân sách các tỉnh; các trường khác sống do trợ cấp của các làng hay các tư nhân.

Địa hạt (Arrondissements)		Số trường	Số Giáo sư Âu	Số Giáo sư bản xứ	Số học sinh
Bạc Liêu	Trường tổng	5		5	326
	Trường làng	11		11	362
	Trường chữ nho	3		3	73
Bà Rịa	Trường tổng	4		4	176
	Trường chữ nho	4		4	62
	Trường đạo	4		4	204
Bến Tre	Trường địa hạt	1	3	7	248
	Trường tổng	20		40	1000
	Trường đạo	6		10	500
Biên Hòa	Trường địa hạt	1	3	5	127
	Trường tổng	10		24	538
	Trường chữ nho	18		18	370
	Trường đạo	7		10	341
Cần Thơ	Trường tổng	11		14	369
	Trường đạo	1		2	40
Châu Đốc	Trường tổng	10		10	734
	Trường làng	19		19	723
	Trường chữ nho	15		15	528
	Trường đạo	1	2	1	32
Chợ Lớn	Trường tổng	14		14	458
	Trường chữ nho	47		47	624
	Trường đạo	4		5	151
Gò Công	Trường địa hạt	1	1	4	127
	Trường tổng	4		4	145
	Trường làng	33		33	1894
	Trường chữ nho	37		37	2039
Hà Tiên	Trường địa hạt	1		2	22
	Trường tổng	3		3	60
	Trường chữ nho	1		1	12
Long Xuyên	Trường địa hạt	1		2	70
	Trường tổng	7		14	500
	Trường chữ nho	14		14	225
	Trường đạo	3	3	3	300
Mỹ Tho	Trường trung học	1	6	-	94
	Trường địa hạt (trường phụ)	1	4	3	166
	Trường tổng	15		15	632
	Trường làng	23		23	357
	Trường chữ nho	55		55	639
	Trường đạo	13		13	338
Rạch Giá	Trường địa hạt	1		2	53
	Trường tổng	6		7	196

Sa Đéc	Trường địa hạt	1		2	45
	Trường tổng	12		12	729
	Trường chữ nho	30		30	485
	Trường đạo	1	1	-	57
Sài Gòn	Trường địa hạt	1	3	6	203
	Trường tổng	16		19	1100
	Trường làng	5		5	80
	Trường chữ nho	50		50	705
	Trường đạo	8		8	143
Sóc Trăng	Trường địa hạt	1	1	4	57
	Trường tổng	11		11	390
	Trường chữ Căm-bốt	29		29	263
	Trường chữ nho	31		31	1005
	Trường đạo	2		2	50
Tân An	Trường địa hạt	1		3	87
	Trường tổng	23		23	800
Tây Ninh	Trường địa hạt	1	1	3	70
	Trường tổng	10		10	208
	Trường chữ nho	1		1	35
	Trường đạo	2	2	-	152
Thủ Đầu Một	Trường địa hạt	1		2	46
	Trường tổng	6		6	372
	Trường chữ nho	18		18	160
	Trường đạo	6		6	250
Trà Vinh	Trường địa hạt	1		2	60
	Trường tổng	14		16	960
	Trường chữ nho	41		41	810
	Trường đạo	3	4	3	558
Vĩnh long	Trường địa hạt	1	2	4	78
	Trường tổng	16		16	614
	Trường chữ nho	27		27	334
	Trường đạo	3	2	8	189
Địa hạt 20	Trường tổng	2		3	134
	Trường chữ nho	5		5	127
	Trường đạo	4		4	262
	Tổng cộng	820	38	917	27473

C. Tổng kết

	Số trường	Số Giáo sư Âu	Số Giáo sư bản xứ	Số học sinh	
Trường địa hạt	16	24	51	1553	
Trường tổng	219	-	270	10441	
Trường làng	91	-	91	3416	
Trường chữ nho	426	-	426	8496	
Trường đạo	68	14	79	3567	
	Tổng cộng	820	38	917	27473

15 - Các trường học tại Nam Kỳ năm 1887

(trích : *Annuaire de la Cochinchine Française, 1887*)

A. Trường Pháp

Địa hạt (Arrondissements)	Số trường	Số Giáo sư Pháp	Số Giáo sư An Nam	Số học sinh
Học sinh Nam				
Sài Gòn : Trường tỉnh (École municipale)	1	3	1	122
Sài Gòn : Trường trung học (collège) Chasseloup-Laubat	1	12	19	400
Sài Gòn : Trường trung học Bá Đa Lộc (Adran)	1	9	19	262
Sài Gòn : Trường Taberd (trường đạo)	1	2	1	117
Trường Gia Định	1	3	7	200
Trường trung học (collège) Mỹ Tho	1	8	16	260
Trường Vĩnh Long	1	2	5	132
Trường Biên Hòa	1	3	5	147
Trường Sóc Trăng	1	2	4	78
Trường Bến Tre	1	3	8	277
Trường Chợ Lớn	1	2	3	218
Trường Gò Công	1	1	4	133
Trường Tây Ninh	1	1	4	96
Trường Sa Đéc	1	1	3	127
Tổng cộng	14	52	99	2578
Học sinh Nữ				
Sài Gòn : Trường tỉnh (École municipale)	1	3	-	65
Sài Gòn : Trường La Sainte-Enfance (Nội trú và mồ côi)	1	10	8	389
Sài Gòn : Trường Tân Định (điều hành bởi nữ tu dòng Saint-Paul de Chartres)	1	3	2	210
Trường Chợ Lớn	1	2	2	48
Trường Mỹ Tho	1	4	3	161
Trường Vĩnh Long	1	4	3	127
Trường Biên Hòa	1	2	1	55
Tổng cộng	7	28	19	1055

B. Trường bản xứ

Trường địa hạt điều hành do quỹ thuộc địa tài trợ, các trường tổng điều hành dựa vào ngân sách các tỉnh; các trường khác sống do trợ cấp của các làng hay các tư nhân.

Địa hạt (Arrondissements)		Số trường	Số Giáo sư Âu	Số Giáo sư bản xứ	Số học sinh
Bạc Liêu	Trường tổng	5		9	262
	Trường làng	12		12	405
	Trường chữ nho	4		4	75
Bà Rịa	Trường tổng	4		4	164
	Trường chữ nho	4		4	164
	Trường đạo	4		4	150
Bến Tre	Trường địa hạt	1	3	7	228
	Trường tổng	20		40	1000
	Trường đạo	6		10	500
Biên Hòa	Trường địa hạt	1	2	5	149
	Trường tổng	10		24	438
	Trường chữ nho	11		11	252
	Trường đạo	9		11	433
Cần Thơ	Trường tổng	12		12	670
	Trường chữ nho	40		40	800
	Trường đạo	1		1	40
Châu Đốc	Trường tổng	10		10	470
	Trường làng	6		6	130
	Trường chữ nho	11		11	126
	Trường chữ Căm-bốt	32		32	297
	Trường đạo	3	4	4	338
Chợ Lớn	Trường tổng	14		14	456
	Trường chữ nho	47		47	630
	Trường đạo	4		5	151
Gò Công	Trường địa hạt	1	1	4	96
	Trường tổng	4		8	150
	Trường làng	32		64	2065
Hà Tiên	Trường địa hạt	1		2	28
	Trường tổng	2		4	55
	Trường chữ nho	2		2	38
Long Xuyên	Trường địa hạt	1		2	47
	Trường tổng	7		14	234
	Trường chữ nho	38		38	531
	Trường đạo	3	3	2	192
Mỹ Tho	Trường trung học cấp 2	1	2		90
	Trường trung học địa hạt	1	4	15	190
	Trường tổng	15		16	774
	Trường làng	29		29	513
	Trường chữ nho	9		9	259
	Trường đạo	7		15	286

Rạch Giá	Trường địa hạt	1		2	20
	Trường tổng	5		6	176
	Trường làng	1		1	15
	Trường chữ nho	5		5	90
	Trường chữ Căm-bốt	17		17	170
Sa Đéc	Trường địa hạt	1	1	2	122
	Trường tổng	12		12	835
	Trường chữ nho	70		70	890
	Trường đạo	1	1		59
Sài Gòn (Gia Định)	Trường địa hạt	1	3	6	210
	Trường tổng	17		20	1150
	Trường chữ nho	50		50	707
	Trường đạo	7		7	658
Sóc Trăng	Trường địa hạt	1	1	4	57
	Trường tổng	11		11	390
	Trường chữ nho	34		34	1110
	Trường chữ Căm-bốt	29		29	263
	Trường đạo	2		2	50
Tân An	Trường địa hạt	1		3	63
	Trường tổng	14		24	673
Tây Ninh	Trường địa hạt	1	1	44	102
	Trường tổng	10		10	232
	Trường chữ nho	1		1	34
	Trường đạo	2	2		150
Thủ Dầu Một	Trường địa hạt	1		2	53
	Trường tổng	6		13	430
	Trường chữ nho	18		18	380
	Trường đạo	8		8	470
Trà Vinh	Trường địa hạt	1		2	30
	Trường tổng	14		15	849
	Trường chữ nho	75		75	700
	Trường đạo	3	3	3	340
Vĩnh long	Trường địa hạt	1	2	5	130
	Trường tổng	16		16	614
	Trường chữ nho	25		25	375
	Trường đạo	2	2		106
Địa hạt 20	Trường tổng	2		3	165
	Trường chữ nho	5		5	133
	Trường đạo	4		4	379
	Tổng cộng	899	35	1065	27256

C. Tổng kết

		Số trường	Số Giáo sư Âu	Số Giáo sư bản xứ	Số học sinh
	Trường địa hạt	16	20	65	1615
	Trường tông	210		285	10187
	Trường làng	80		112	3128
	Trường chữ nho	527		527	8024
	Trường đạo	66	15	76	4302
	Tổng cộng	899	35	1065	27256

16 - Các trường học tại Nam Kỳ năm 1888

(trích : *Annuaire de la Cochinchine Française, 1888*)

A. Trường Pháp

Địa hạt (Arrondissements)	Số trường	Số Giáo sư Pháp	Số Giáo sư An Nam	Số học sinh
Học sinh Nam				
Sài Gòn : Trường tỉnh (École municipale)	1	3	1	122
Sài Gòn : Trường trung học (collège) Chasseloup-Laubat	1	12	19	400
Sài Gòn : Trường trung học Adran	1	9	19	262
Sài Gòn : Trường Taberd (trường đạo)	1	2	1	117
Trường Gia Định	1	3	7	200
Trường trung học (collège) Mỹ Tho	1	8	16	260
Trường Vĩnh Long	1	2	5	132
Trường Biên Hòa	1	3	5	147
Trường Sóc Trăng	1	2	4	78
Trường Bến Tre	1	3	8	277
Trường Chợ Lớn	1	2	3	218
Trường Gò Công	1	1	4	133
Trường Tây Ninh	1	1	4	96
Trường Sa Đéc	1	1	3	127
Tổng cộng	14	52	99	2578
Học sinh Nữ				
Sài Gòn : Trường tỉnh (École municipale)	1	3	-	65
Sài Gòn : Trường Sainte-Enfance (Nội trú và mồ côi)	1	10	8	389
Sài Gòn : Trường Tân Định (điều hành bởi nữ tu dòng Saint-Paul de Chartres)	1	3	2	210
Trường Chợ Lớn	1	2	2	48
Trường Mỹ Tho	1	4	3	161
Trường Vĩnh Long	1	4	3	127
Trường Biên Hòa	1	2	1	55
Tổng cộng	7	28	19	1055

B. Trường bản xứ

Trường địa hạt điều hành do quỹ thuộc địa tài trợ, các trường tổng điều hành dựa vào ngân sách các tỉnh; các trường khác sống do trợ cấp của các làng hay các tư nhân.

Địa hạt (Arrondissements)		Số trường	Số Giáo sư Âu	Số Giáo sư bản xứ	Số học sinh
Bạc Liêu	Trường tổng và làng	17	1	24	572
	Trường đạo	1		1	16
	Trường chữ nho	3		3	70
	Trường địa hạt	1		1	20
Bà Rịa	Trường tổng	4		4	217
	Trường chữ nho	4		4	217
	Trường đạo	4		4	200
Bến Tre	Trường địa hạt	1	5	9	297
	Trường tổng	20		40	1000
	Trường đạo	6		10	600
Biên Hòa	Trường địa hạt	1	4	5	151
	Trường tổng	10		20	634
	Trường chữ nho	18		18	348
	Trường đạo	8		12	456
Cần Thơ	Trường tổng	12		12	680
	Trường chữ nho	2		2	81
	Trường đạo	1		1	43
Châu Đốc	Trường tổng	8		18	425
	Trường làng	2		2	42
	Trường chữ nho	11		11	160
	Trường chữ Căm-bốt				
	Trường đạo	1	2		25
Chợ Lớn	Trường tổng	13		30	495
	Trường chữ nho	54		54	787
	Trường đạo	3		5	122
Gò Công	Trường địa hạt	1	1	4	113
	Trường tổng	4		8	157
	Trường làng	34		60	1408
Hà Tiên	Trường địa hạt	1		2	34
	Trường tổng	2		4	55
	Trường chữ nho	2		2	38
Long Xuyên	Trường địa hạt	1		3	86
	Trường tổng	7		14	273
	Trường chữ nho	38		38	533
	Trường đạo	3		2	195
Mỹ Tho	Trường trung học cấp 2	1	3		95
	Trường trung học địa hạt	1	6		190
	Trường tổng	15		16	829
	Trường làng	25		25	442
	Trường chữ nho	10		10	240
	Trường đạo	7		16	298

Rạch Giá	Trường địa hạt	1		2	35
	Trường tổng	6		6	205
	Trường làng	1		1	12
	Trường chữ nho	6		6	115
	Trường chữ Căm-bốt	17		17	170
Sa Đéc	Trường địa hạt	1	1	4	125
	Trường tổng	12		13	766
	Trường chữ nho	32		32	237
	Trường đạo	2	3		65
Sài Gòn (Gia Định)	Trường địa hạt	1	3	7	180
	Trường tổng	17		20	510
	Trường chữ nho	50		50	705
	Trường đạo	6	2	4	593
Sóc Trăng	Trường địa hạt	1	2	4	92
	Trường tổng	11		11	593
	Trường chữ nho	31		31	998
	Trường chữ Căm-bốt	29		29	275
	Trường đạo	2		2	67
Tân An	Trường địa hạt	1	2	3	110
	Trường tổng	14		14	612
Tây Ninh	Trường địa hạt	1	1	4	118
	Trường tổng	10		10	302
	Trường chữ nho	1		1	33
	Trường đạo	2	2		163
Thủ Dầu Một	Trường địa hạt	1		2	40
	Trường tổng	6		13	389
	Trường chữ nho	18		18	175
	Trường đạo	8			250
Trà Vinh	Trường địa hạt	1		2	40
	Trường tổng	14		15	850
	Trường chữ nho	75		75	700
	Trường đạo	3	4	3	350
Vĩnh long	Trường địa hạt	1	2	5	148
	Trường tổng	16		16	568
	Trường chữ nho	19		19	307
	Trường đạo	4	6	5	220
Địa hạt 20	Trường tổng	2		3	125
	Trường chữ nho	6			121
	Trường đạo	5			793
	Tổng cộng	791	50	931	24801

C. Tổng kết

Địa hạt (Arrondissements)		Số trường	Số Giáo sư Âu	Số Giáo sư bản xứ	Số học sinh
	Trường địa hạt	17	31	57	1874
	Trường tổng	208		286	9945
	Trường làng	80		103	2337
	Trường chữ nho	420		420	6189
	Trường đạo	66	19	65	4456
	Tổng cộng	791	50	931	24801